

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

CAO VŨ LỘC

**TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

CAO VŨ LỘC

**TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60 38 01 05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA**

Hà Nội - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tài liệu, trích dẫn được sử dụng trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, phản ánh đúng tình hình thực tế đã diễn ra tại địa bàn.

Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

TÊN TÁC GIẢ

Cao Vũ Lộc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH TỘI PHẠM	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm của tình hình tội phạm và ý nghĩa nghiên cứu tình hình tội phạm.	6
1.2. Phân rõ của tình hình tội phạm.	10
1.3. Phần ẩn của tình hình tội phạm.	17
1.4. Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm.	27
Chương 2. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2016 VÀ DỰ BÁO	29
2.1. Đặc điểm phân rõ của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016	29
2.2. Đặc điểm về phần ẩn của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.....	49
2.3. Dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian 5 năm tới.	52
Chương 3. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA.....	58
3.1. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện pháp luật.....	58
3.2. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa.	65
3.3. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa.....	73
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANCT	An ninh chính trị
ANTT	An ninh trật tự
BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CNH - HĐH	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CSĐT	Cảnh sát điều tra
CSĐTTP	Cảnh sát điều tra tội phạm
CSHS	Cảnh sát hình sự
CSKT	Cảnh sát kinh tế
HĐND	Hội đồng nhân dân
HSST	Hình sự sơ thẩm
QĐ	Quyết định
THTP	Tình hình tội phạm
TTATXH	Trật tự an toàn xã hội
TTXH	Trật tự xã hội
TTQLKT	Trật tự quản lý kinh tế
TTg	Thủ tướng chính phủ
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Cơ sở tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	30
Bảng 2.2. Cơ sở hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	30
Bảng 2.3. Mức độ tội danh xảy ra của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 so với số tội danh Bộ luật hình sự qui định	31
Bảng 2.4. Mức độ nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	32
Bảng 2.5. Mức độ nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	32
Bảng 2.6. Mức độ nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	33
Bảng 2.7. Mức độ nhóm tội ma túy trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	33
Bảng 2.8. Mức độ tội danh xảy ra nhiều nhất trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	34
Bảng 2.9. Diễn biến về số vụ và người phạm tội của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	36
Bảng 2.10. Diễn biến của tình hình tội phạm theo chương của phần các tội phạm cụ thể theo Bộ luật hình sự trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016	38
Bảng 2.11. Cơ cấu theo tội danh cụ thể của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	40
Bảng 2.12. Cơ cấu theo địa bàn phạm tội của tình hình tội phạm huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	41
Bảng 2.13. Cơ cấu theo loại hình phạt áp dụng của tình hình tội phạm huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	42
Bảng 2.14. Cơ cấu theo loại biện pháp ngăn chặn áp dụng của tình hình tội phạm huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.	43

Bảng 2.15. Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của tình hình tội phạm huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016	44
Bảng 2.16. Cơ cấu theo trình độ học vấn của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.....	45
Bảng 2.17. Cơ cấu theo đặc điểm có nghề nghiệp và không có nghề nghiệp của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.....	46
Bảng 2.18. Cơ cấu theo đặc điểm tái phạm; tiền án, tiền sự của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè từ năm 2012 đến năm 2016	47
Bảng 2.19. Tỷ lệ vụ án khởi tố và vụ án xét xử của tình hình tội phạm trên địa huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016.....	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cái Bè là huyện nằm ở phía tây của tỉnh Tiền Giang, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho 50 km, là cửa ngõ của vùng Đồng Tháp Mười, là một trong những huyện thuộc vùng lúa cao sản và vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản lớn nhất của tỉnh, có 25 đơn vị hành chính (24 xã và 01 thị trấn), có tuyến Quốc lộ 1A đi qua dài 22 km chiều dài xuyên suốt từ Đông sang Tây. Phía Bắc giáp huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, phía Nam giáp thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ngang qua sông Tiền, phía Đông giáp với thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, phía tây giáp với huyện Cao Lãnh, huyện Châu Thành, thành phố Se Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích tự nhiên 421 km², dân số 292.768 người, mật độ dân số trung bình là 689 người/km². Huyện Cái Bè là địa bàn có điều kiện kết nối với các huyện, thành phố trong khu vực được định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp – thương mại – dịch vụ, Cái Bè thật sự là một địa bàn quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội. [37]

Trong những năm qua cùng với cả nước đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng tầm giá trị sản phẩm Việt Nam, chú trọng chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kinh tế huyện Cái Bè phát triển mạnh, quá trình đô thị hóa cũng được quan tâm, quản lý, đầu tư kịp thời phù hợp với tiềm năng phát triển của địa phương. Kinh tế với thế mạnh là nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản như: Lúa, cam, bưởi, chăn nuôi heo, cá tra, các làng nghề truyền thống như: bánh phồng, bánh tráng, cốm. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội góp phần nâng cao đời sống vật chất của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được còn phải đối mặt với những tiêu cực do mặt trái của nền kinh tế thị trường như vấn đề tệ nạn xã hội mới phát sinh và nhất là tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, diễn biến phức tạp về quy mô, tính chất, mức độ nguy hiểm. Do vậy, việc nhận thức và hành động trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm phải có những thay đổi và chuyển biến phù hợp với tình hình thực tế.

Mặc dù có sự vào cuộc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và đông đảo quần chúng nhân dân, hệ thống các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm, song tội phạm vẫn xảy ra trên địa bàn trong những năm qua có xu hướng tăng, giảm không theo quy luật đặc biệt là các nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhóm tội về ma túy, nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Qua khảo sát từ năm 2012 – 2016 số lượng các vụ phạm tội

tăng, giảm liên tục. Hệ quả của nó gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân, gây hại cho hoạt động sản xuất, thương mại - dịch vụ, làm mất ổn định ANTT, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

Qua nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa tội phạm được áp dụng trên địa bàn theo quy mô cấp tỉnh, quy mô cấp huyện, quy mô cấp xã, thị trấn hay cả các cơ quan chuyên trách nhận thấy: các biện pháp phòng ngừa chưa có sự liên kết, hỗ trợ, cộng hưởng lẫn nhau, các kế hoạch phòng ngừa chưa có trọng tâm, trọng điểm trên các địa bàn phức tạp về ANTT mà còn dàn trải dẫn đến thiếu kinh phí, lực lượng và đạt hiệu quả chưa cao; không xuất phát từ những đặc điểm riêng của từng địa bàn mà áp dụng các biện pháp phòng ngừa gập khuôn; thiếu trách nhiệm của lực lượng thực thi nhiệm vụ; chưa thu hút được sự tham gia đồng đẳng của quần chúng nhân dân.

Trước yêu cầu đảm bảo ANTT cho địa bàn quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, sự gia tăng liên tục trên thực tế tội phạm, thiếu hiệu quả trong các biện pháp phòng ngừa, chưa thu hút được sự tham gia đồng đẳng của quần chúng nhân dân, đã đến lúc cần có một nghiên cứu đầy đủ về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Trên cơ sở nghiên cứu đó thiết kế hệ thống phòng ngừa đạt hiệu quả trên thực tế kéo giảm tình hình phạm pháp hình sự trên địa bàn. Với mong muốn đó cùng với mức độ hiểu biết của mình, học viên chọn nghiên cứu đề tài: **Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang** làm luận văn thạc sĩ luật học chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Trong thời gian qua, tầm quan trọng của nghiên cứu tội phạm học phục vụ cho công tác phòng ngừa tội phạm đã được khẳng định. Trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã được một số tác giả nghiên cứu về tội phạm học tiến hành cụ thể: luận văn thạc sĩ “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: tình hình, nguyên nhân, giải pháp phòng, chống” của tác giả Huỳnh Thanh Điệp; luận văn thạc sĩ “Tội phạm đánh bạc trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Văn Minh; luận văn thạc sĩ “Các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Thị Diệu Hiền; luận văn thạc sĩ “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Quốc Khánh; luận văn thạc sĩ “Tội trộm cắp tài sản trên

địa bàn tỉnh Tiền Giang: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”; luận văn thạc sĩ “Tội cướp giật tài sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa” của tác giả Nguyễn Hoàng Lâm; luận văn thạc sĩ “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp” của tác giả Trần Thanh Thuận.

Tuy nhiên các đề tài, công trình nghiên cứu trên chỉ tập trung theo hướng nghiên cứu một tội hoặc một nhóm tội. Điều đó thiết thực cho việc phòng ngừa một loại tội phạm hoặc một nhóm tội. Hay nói cách khác phù hợp với việc “kiểm soát” một tội phạm hay một nhóm tội phạm nào đó đang nổi lên nhằm làm giảm tác hại quá lớn của nó đối với xã hội, với mục đích đảm bảo ANTT cho một địa bàn quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Cho đến nay chưa có đề tài hay công trình nào nghiên cứu về tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Tiền Giang nói chung, địa bàn huyện Cái Bè nói riêng. Theo nhận thức của tác giả, để giải quyết được mục đích đề ra cần phải nghiên cứu một cách tổng thể về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Từ bức tranh tổng thể đó tìm ra nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trên chính địa bàn, thiết kế, triển khai biện pháp phòng ngừa hiệu quả, cũng chính từ thực tiễn tình hình tội phạm đó là cơ sở đề xuất hoàn thiện pháp luật.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý luận về tình hình tội phạm làm cơ sở nghiên cứu về thực tiễn tình hình tội phạm tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Từ thực tiễn đó đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa và tổ chức thực hiện phòng ngừa tội phạm.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tình hình tội phạm.
- Nghiên cứu tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 – 2016 trên cơ sở hệ thống lý luận về tình hình tội phạm, từ thực tiễn đó đưa ra dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Trên cơ sở thực tiễn và dự báo đề xuất hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa và tổ chức thực hiện phòng ngừa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn bao gồm:

- Nghiên cứu lý luận về tình hình tội phạm.
- Nghiên cứu thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 – 2016.
- Nghiên cứu về đề phòng ngừa tình hình tội và thực tiễn tình hình tội phạm.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học.

Về không gian phạm vi nghiên cứu tình hình tội phạm được giới hạn tại địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Về thời gian, phạm vi nghiên cứu tình hình tội phạm giới hạn trong khoảng thời gian 05 năm từ năm 2012 – 2016. Luận văn này thu thập số liệu thống kê và nghiên cứu các bản án xét xử trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian từ năm 2012 – 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phòng ngừa tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cụ thể như: Phương pháp thống kê; phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh; phương pháp tổng kết kinh nghiệm.

Chất liệu nghiên cứu là các bản án xét xử sơ thẩm, các kế hoạch, chương trình phòng, chống tội phạm thực hiện trên địa bàn huyện Cái Bè của cấp tỉnh, huyện, các xã, thị trấn; báo cáo tổng kết của các ngành chức năng; số liệu thống kê của cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, các công trình khoa học đã được nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận

Luận văn nghiên cứu hệ thống lý luận về tình hình tội phạm, áp dụng lý luận đó để khảo sát thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn thực tế. Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận về tình hình tội phạm, về sự áp dụng lý luận vào nghiên cứu thực tế, làm tài liệu cho công tác giảng dạy, nghiên cứu sau này.

Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong công tác phòng ngừa tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cũng như có giá trị tham khảo cho các địa bàn tương tự khác.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được cơ cấu thành 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tình hình tội phạm.

Chương 2: Đặc điểm tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Chương 3: Tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa tình hình tội phạm.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HÌNH TỘI PHẠM

1.1. Khái niệm, đặc điểm của tình hình tội phạm và ý nghĩa nghiên cứu tình hình tội phạm

Tất cả mọi người đều phải sống chung với nhau trong xã hội loài người, không có con người sống biệt lập hay tách rời nhau. Ngoài những đặc điểm chung vốn có, mỗi cá nhân còn có những đặc điểm riêng và chính đặc điểm riêng này làm cho tư duy, nhận thức của mỗi con người không giống nhau nên có những hành động khác nhau, có thể dẫn đến những xung đột, xâm phạm lợi ích, thậm chí tiêu diệt lẫn nhau. Do vậy cần có những quy chuẩn, chuẩn mực chung để điều chỉnh hành vi của con người, hướng con người vào một trật tự chung nhất định, có tính bắt buộc mà ta gọi đó là pháp luật. Pháp luật ra đời cùng với những thiết chế của nó để bắt buộc mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội thực hiện, nếu vi phạm sẽ bị xử lý bằng chế tài nghiêm khắc.

Luật hình sự tìm ra những hành vi gây hại cho con người, cho xã hội, từ đó quy định những hành vi nào là tội phạm và áp dụng chế tài phù hợp đối với từng hành vi cụ thể nhằm trừng trị các cá nhân, tổ chức vi phạm đảm bảo công lý, công bằng trong xã hội, nhằm duy trì trật tự xã hội và làm cho các cá nhân, tổ chức thấy được hậu quả pháp lý bất lợi phải gánh chịu nếu vi phạm và buộc phải thực hiện theo. Cách giải quyết vấn đề tội phạm như trên đã có hiệu quả qua các giai đoạn lịch sử nhất định, vẫn còn thiết thực cho đến giai đoạn hiện nay.

Xã hội loài người không ngừng vận động, phát triển nhưng vấn đề tội phạm không mất đi hay bị hạn chế mà nó cùng tồn tại phát triển song song có xu hướng ngày càng tăng cả về số lượng và tính chất nguy hiểm, mặc dù Nhà nước đã áp dụng các chế tài, các hình phạt rất nghiêm khắc. Thực tế không chỉ xảy ra ở phạm vi của một quốc gia mà hầu hết tất cả mọi quốc gia, do đó đòi hỏi con người phải tìm ra giải pháp hữu hiệu để loại trừ hoặc làm hạn chế nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm, để giải quyết được vấn đề trên cần tiếp cận theo hướng mới đó là tội phạm học.

Tội phạm học không tìm ra đâu là hành vi được quy định là tội phạm, các chế tài áp dụng mà tội phạm học thực chất là tìm ra bản chất của nó là gì; có quan hệ như thế nào với các quá trình, hiện tượng xã hội khác; nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm; biện pháp để ngăn chặn tội phạm, kiểm chế, hạn chế tội phạm

phát sinh. Đây là hướng tiếp cận khoa học, biện chứng. Một mặt đi tìm và giải quyết các nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm trong lòng xã hội, thu hẹp, hạn chế, loại bỏ những nguyên nhân điều kiện làm phát sinh mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực làm cho xã hội phát triển ổn định, bền vững. Mặt khác tìm cách kiểm chế, hạn chế không để tội phạm xảy ra và phải gánh chịu những hậu quả pháp lý bất lợi, nguy hiểm của tội phạm, giúp cho mọi cá nhân, tổ chức không trở thành người phạm tội tiềm tàng hay nạn nhân tiềm tàng của tội phạm.

Khoa học là việc nghiên cứu tìm ra các quy luật để giải quyết vấn đề phát sinh trong cuộc sống hàng ngày của con người. Tội phạm học tìm ra các quy luật về hiện tượng tội phạm, giải quyết các hiện tượng tội phạm theo yêu cầu của đời sống xã hội đặt ra. Việc nhận thức các sự vật, hiện tượng chỉ có thể thông qua các phản ánh trong đời sống xã hội. Thực tế chỉ ra rằng để giải quyết vấn đề tội phạm ở một địa bàn nhất định chúng ta cần phải có nghiên cứu, nhận thức đầy đủ về tình hình tội phạm (THTP) ở địa bàn đó. Đó là nơi cung cấp toàn bộ chất liệu thực tế để xử lý bằng hệ thống tri thức, đưa ra giải pháp tác động để vận động theo mục đích đề ra.

Tình hình tội phạm là đối tượng nghiên cứu cơ bản, đầu tiên của tội phạm học, “khái niệm tình hình tội phạm được hình thành bằng cách chuyển mức độ nhận thức từ sự kiện, hành vi và khái niệm tội phạm đơn nhất đến một khái niệm chung hơn, khái quát hơn, phức tạp hơn” [45, tr. 54]

THTP là khái niệm đang được tranh luận, chưa thống nhất về tên khái niệm cũng như cách định nghĩa.

“Tình hình tội phạm là trạng thái, xu thế vận động của (các) tội phạm (hoặc nhóm tội phạm hoặc một loại tội phạm) đã xảy ra trong một đơn vị không gian và đơn vị thời gian nhất định” [16, tr. 174]

“Tình hình tội phạm là toàn bộ tình hình, cơ cấu, động thái, diễn biến của các loại tội phạm hay từng loại tội phạm trong một giai đoạn nhất định xảy ra trong một lĩnh vực, một địa phương, trong phạm vi quốc gia, khu vực hoặc toàn thế giới trong khoảng thời gian nhất định” [16, tr. 171]

“Tình hình tội phạm là hiện tượng tâm- sinh lý- xã hội tiêu cực, vừa mang tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa mang tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được biểu hiện thông qua tổng thể các hành vi phạm tội cùng chủ thể thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định” [6, tr. 107]

“Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các

tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định” [45, tr. 61]

Trong các quan điểm trên, quan điểm thứ tư theo tác giả là toàn diện và đầy đủ nhất. Một mặt vừa nêu lên được bản chất của hiện tượng xã hội đang diễn ra trong xã hội, mặt khác bao hàm được nội dung phản ánh của hiện tượng tội phạm là một tổng thể hoàn chỉnh bao gồm các nội dung cấu thành tổng thể đó, mối liên hệ của các yếu tố trong tổng thể, mối liên hệ của tổng thể đó với bên ngoài là các quá trình, hiện tượng xã hội khác.

THTP phát sinh trong giai đoạn nhất định của xã hội loài người, khi môi trường xã hội hội đủ các yếu tố cần thiết để tội phạm ra đời. Sau khi ra đời THTP phải được sự chấp nhận của môi trường xã hội để tồn tại trong đó. Bản chất của nó mang nội dung xã hội, chống lại quy chuẩn xã hội, do con người sống trong xã hội thực hiện, có nguyên nhân từ chính môi trường xã hội, gây hại cho đời sống xã hội. Đó phải là hiện tượng xã hội chứ không thể là hiện tượng nào khác.

THTP trong tổng thể chung của nó không phải là hiện tượng thúc đẩy sự phát triển xã hội mà là hiện tượng xã hội tiêu cực, chống đối lại các quy chuẩn chung, chuẩn mực đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển của xã hội, cần phải được kiểm soát, hạn chế, đẩy lùi. Hậu quả của hiện tượng tội phạm để lại cho xã hội rất lớn, đó không chỉ là thiệt hại về vật chất, tinh thần, tính mạng sức khỏe... mà còn làm đảo lộn cả một xã hội, phá vỡ cấu trúc của xã hội, ảnh hưởng đến hàng triệu người. Mặc dù nghiên cứu tội phạm dưới góc độ là hiện tượng xã hội, tuy nhiên THTP cũng mang tính pháp lý - hình sự. Chính luật hình sự nhận diện cho ta biết hành vi nào là hành vi phạm tội, chỉ có sự quy định của luật hình sự thì một hành vi nào đó mới là tội phạm. Trên quan điểm của chính sách hình sự, hoạt động tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa đều tác động đến “bức tranh” tổng thể của THTP.

THTP phát sinh và tồn tại trong xã hội có giai cấp, hiện tượng tội phạm hay THTP tất yếu mang tính giai cấp. Tính giai cấp thể hiện trong việc quy định những hành vi nào là tội phạm, thái độ cụ thể đối với nó nhằm mượn phương tiện là luật hình sự, công cụ là Nhà nước để bảo vệ quyền lợi của giai cấp đang nắm giữ quyền lực chính trị. Có những tội phạm cụ thể (bộ phận trong tổng thể THTP) thể hiện sự mâu thuẫn giai cấp. Tuy nhiên chúng ta phải nhận thấy được tính xã hội sâu sắc của nó, THTP về cơ bản là hiện tượng xã hội tiêu cực chống lại các giá trị văn minh phổ quát của xã hội loài người, giai cấp nào, lực lượng nào được trao quyền lãnh đạo xã

hội cũng phải xác định được điều đó. Tại thời điểm lịch sử ngày nay, sự điều chỉnh mạnh mẽ của các nhà nước tư bản nhằm hướng tới sự đồng thuận xã hội (cân bằng, điều hòa lợi ích giữa các tầng lớp, quan tâm đến an sinh xã hội...), sự thúc đẩy mạnh mẽ của tiến trình dân chủ, quyền con người ngày càng được bảo đảm tốt hơn trên thực tế, sự đề cao quá tính giai cấp có lẽ là lựa chọn không phù hợp.

Xã hội luôn vận động, phát triển và thay đổi, THTP luôn phải chịu sự tác động của các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội khác. Trong những thời điểm hoàn cảnh cụ thể khác nhau THTP luôn khác nhau. Điều này được minh chứng rõ ràng với sự khác nhau của các nội dung cấu thành nên THTP. Mức độ, động thái, cơ cấu, tính chất của THTP có sự thay đổi. Đây là đặc điểm cần phải nhận thức một cách biện chứng để khi nghiên cứu, giải quyết vấn đề đặt ra trong phòng ngừa tội phạm phải chỉ ra được đâu là nguyên nhân tạo ra sự thay đổi đó từ trong chính các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội xảy ra trong môi trường của chính xã hội cụ thể tạo ra THTP mà chúng ta đang khảo sát.

THTP là tổng thể thống nhất của các tội phạm đã xảy ra trong một khoảng thời gian nhất định và trong không gian nhất định. Trong một tổng thể thống nhất đó được biểu hiện bằng các nội dung, bộ phận cấu thành nên tổng thể đó và mối quan hệ qua lại biện chứng của các yếu tố cấu thành đó. Khi ta chia nội dung của THTP thành các tiêu chí như mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất đó là cách để nhận thức có hệ thống. Khi nói “tình hình tội phạm là trạng thái, xu thế vận động” [16, tr. 174] vô hình chung chúng ta không đề cập đến mối quan hệ của các yếu tố tạo nên “bức tranh” tổng thể đó.

Từ những phân tích trên ta có thể khái niệm: THTP là hiện tượng xã hội tiêu cực (tội phạm) mang tính pháp lý - hình sự, tính lịch sử, tính giai cấp bao gồm hệ thống tổng thể thống nhất các tội phạm đã xảy ra trong phạm vi không gian nhất định và trong khoảng thời gian nhất định.

THTP là hiện tượng xã hội, khi nghiên cứu, giải quyết về THTP của địa bàn nào đó phải đặt nó trong mối quan hệ biện chứng với các hiện tượng, quá trình xã hội diễn ra trên địa bàn đó, phải chỉ ra được nguyên nhân THTP trong mối quan hệ qua lại với các quá trình kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục..., những đặc điểm riêng có của địa phương đó tác động đến THTP. Ngược lại khi tổ chức các biện pháp phòng ngừa phải thấy được tác dụng phòng ngừa tội phạm trong chính các giải pháp về kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục... để triển khai nó cùng với các biện pháp chuyên biệt trong một tổng thể mang lại hiệu quả lâu dài, ổn định, bền vững.

THTP là một tổng thể thống nhất, việc phân chia thành các nội dung đó là phương pháp để nhận thức, phải đặt các nội dung đó trong mối quan hệ biện chứng với nhau để từ đó nhận thức được một cách đầy đủ, tổng thể về một THTP.

THTP là đối tượng nghiên cứu cơ bản, đầu tiên, mọi nghiên cứu để giải quyết về một THTP cụ thể phải được xuất phát từ chính THTP đó, các vấn đề nghiên cứu khác như nguyên nhân điều kiện, nhân thân người phạm tội, nạn nhân đều phải xuất phát từ thực tiễn của THTP. Có như vậy mới đảm bảo được tính thực tiễn, công trình có giá trị áp dụng trên thực tế.

THTP là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra, phần lớn trong đó đã được phát hiện, xử lý và đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm rõ, phần còn lại của tội phạm đã xảy ra nhưng vì lý do nào đó chưa bị phát hiện, xử lý và chưa được đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm ẩn.

1.2. Phần rõ của tình hình tội phạm

THTP rõ là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra đã được phát hiện, xử lý và đã được đưa vào thống kê tội phạm, được khảo sát trên các nội dung: Thực trạng (mức độ), diễn biến (động thái), cơ cấu, tính chất.

1.2.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm

Thực trạng của THTP là số lượng các tội phạm đã được thực hiện và những người thực hiện các tội phạm ở một địa bàn nhất định và trong khoảng thời gian nhất định. Thực trạng của THTP được xác định trên cơ sở số liệu thống kê hình sự là tổng số vụ án hình sự và số người phạm tội (bị can, bị cáo) được xử lý trong một khoảng thời gian nhất định. Hiện nay, các công trình nghiên cứu thường dùng số liệu thống kê của Tòa án. Việc dùng các số liệu của Tòa án có độ chính xác cao, ổn định, ít sai số. Tuy nhiên thời điểm đưa vụ án ra xét xử là thời điểm cuối trong quá trình tố tụng, do đó một lượng các vụ án đã xảy ra trên thực tế vì những lý do khác nhau đã chưa đưa ra hoặc không đưa ra xét xử (phần tội phạm ẩn) nên không có trong thống kê của Tòa án. Do vậy, số liệu chưa phản ánh được đầy đủ nhất thực trạng của THTP. Nhưng thông qua các số liệu này cho phép ta đánh giá được cơ bản thực trạng của THTP đang diễn ra trên thực tế, đồng thời phản ánh hiệu quả các biện pháp phòng ngừa cũng như hiệu quả của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với việc xử lý tội phạm.

Thực trạng (mức độ) của THTP thường được khảo sát trên các phương diện như mức độ tổng quan, mức độ nhóm, mức độ tái phạm, mức độ hành vi.

Mức độ tổng quan được xác định bằng tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã được đưa ra xét xử trong một địa bàn (đơn vị hành chính lãnh thổ) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định (thường tính trong một năm). Mức độ tổng quan được thể hiện qua chỉ số tội phạm và cơ sở hành vi phạm tội.

Chỉ số tội phạm được tính bằng tổng số vụ phạm tội trên 10.000 dân trong một năm. Như vậy chỉ số tội phạm của đơn vị lãnh thổ là:

$$\frac{\text{Số vụ phạm tội} \times 10.000}{\text{Số dân}}$$

Cơ sở hành vi phạm tội được tính bằng số hành vi phạm tội (số bị cáo) trên 10.000 dân trong một năm. Như vậy cơ sở hành vi phạm tội của đơn vị lãnh thổ là:

$$\frac{\text{Số vụ bị cáo} \times 10.000}{\text{Số dân}}$$

Căn cứ vào các chỉ số, bằng thực tiễn nghiên cứu người ta phân chia thành các mức độ nào là bình thường, mức độ nào là nguy hiểm, đáng báo động. Bằng cách đối chiếu với chỉ số của THTP mà ta nghiên cứu với các mức độ để đánh giá tính chất của THTP tại một đơn vị lãnh thổ, so sánh với chỉ số này của các đơn vị lãnh thổ có điều kiện xã hội tương đương để đánh giá THTP tại nơi nào nghiêm trọng hơn.

Mức độ nhóm là tổng số vụ phạm tội của một nhóm tội phạm nào đó trong tổng số vụ án đã xảy ra, được tính bằng :

$$\frac{\text{số vụ của nhóm tội phạm} \times 100}{\text{Tổng số vụ phạm tội}}$$

Mức độ tội phạm cụ thể là tổng số vụ phạm tội của một tội phạm cụ thể nào đó trong tổng số vụ án đã xảy ra, được tính bằng :

$$\frac{\text{Số vụ của tội phạm cụ thể} \times 100}{\text{Tổng số vụ phạm tội}}$$

1.2.2. Diễn biến (động thái) của tình hình tội phạm

Diễn biến của THTP là sự phản ánh xu hướng tăng, giảm, ổn định tương đối của THTP nói chung (hoặc một nhóm tội phạm hoặc một tội phạm) xảy ra trong khoảng thời gian nhất định và trên một địa bàn nhất định.

Để khảo sát được diễn biến của THTP trong một chu kỳ nhất định (giả sử 05 năm), người ta chọn năm thứ nhất của chu kỳ là năm gốc, số liệu về tổng số vụ phạm tội và người phạm tội trong năm đó được tính là 100%. Sau đó ta lấy số liệu về tổng số vụ phạm tội và người phạm tội của các năm tiếp theo đối chiếu với số

liệu của năm gốc để tìm ra xu thế tăng hay giảm của các năm tiếp theo (tính theo tỷ lệ %).

Nghiên cứu về diễn biến của THTP ta thấy được xu hướng tăng, giảm hay ổn định tương đối của một chu kỳ mà còn giúp cho việc dự đoán có cơ sở về xu hướng vận động của THTP trong những năm tiếp theo giúp cho việc thiết kế, áp dụng các biện pháp phòng ngừa sát với thực tế.

Không những nghiên cứu về diễn biến của THTP nói chung mà còn phải nghiên cứu về diễn biến của từng nhóm tội, tội phạm cụ thể để thấy được xu hướng của các nhóm tội nhất là những địa phương với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù làm phát sinh tội phạm ở những nhóm tội, tội phạm cụ thể chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của THTP, cần phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa để làm giảm tội phạm ở nhóm tội, tội phạm cụ thể đó.

Diễn biến của THTP bị tác động, làm thay đổi bởi hai loại yếu tố:

- Các yếu tố xã hội (thuộc về nguyên nhân điều kiện): sự tăng trưởng hay suy thoái của nền kinh tế, vấn đề nhập cư ồ ạt, gia tăng dân số nhanh chóng, tỷ lệ thất nghiệp, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, mất đất sản xuất, suy thoái của đạo đức, mất ổn định xã hội ... Đây còn là điều để minh chứng THTP chịu sự tác động sâu sắc của các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội khác. Sự thay đổi của các yếu tố xã hội sẽ tác động lên diễn biến của nhóm tội, tội phạm cụ thể. Điều này rất có ý nghĩa khi tìm nguyên nhân điều kiện của nhóm tội, tội phạm cụ thể ở một địa bàn nào đó tăng lên một cách đột ngột. Phải xác định được đâu là nguyên nhân cơ bản, chủ yếu nhất để áp dụng biện pháp phòng ngừa.

- Các yếu tố về mặt pháp lý: sự thay đổi về mặt pháp lý, đặc biệt là sự thay đổi về pháp luật hình sự, đó là việc tội phạm hóa, phi tội phạm hóa, hình sự hóa, phi hình sự hóa sẽ ảnh hưởng đáng kể đến “đồ thị” diễn biến của THTP.

Phân biệt sự tác động của hai yếu tố này rất có ý nghĩa, khi động thái có sự thay đổi tăng lên hoặc giảm đi ta phải phân tích cho được đó là do sự thay đổi của chính sách hình sự hay các yếu tố xã hội khác. Một mặt đánh giá được hiệu quả của sự thay đổi chính sách hình sự, mặt khác làm rõ được nguyên nhân điều kiện của sự tác động đến sự thay đổi của diễn biến THTP.

1.2.3. Cơ cấu của tình hình tội phạm

Cơ cấu của tình hình tội phạm là tỷ trọng, mối tương quan giữa nhân tố bộ phận và tổng thể của tình hình tội phạm theo tiêu chí nhất định trong khoảng thời gian và trên địa bàn nhất định. [16, tr. 189]

Căn cứ mục đích nghiên cứu mà ta phân chia thành các cơ cấu khác nhau, thông thường xét trên những cơ cấu sau:

- Cơ cấu của THTP theo tên chương của các tội phạm cụ thể của BLHS

Cơ cấu này được tính theo tỷ trọng giữa các tội của từng chương (bộ phận) đã xảy ra với tổng số các tội phạm (tổng thể) đã xảy ra. Nghĩa là nếu coi tổng số các tội phạm đã xảy ra trong một thời gian nhất định trên địa bàn nhất định là 100%, ta phải xác định các tội phạm của mỗi chương đã xảy ra chiếm bao nhiêu % trong tổng số đó.

Cơ cấu này thường được xét đến khi nghiên cứu về THTP nói chung, cho ta cái nhìn tổng quan về THTP trên địa bàn nào đó, xác định đâu là nhóm tội có tần suất xảy ra nhiều nhất để tập trung biện pháp phòng ngừa.

- Cơ cấu của THTP theo tội danh cụ thể được quy định trong bộ luật hình sự

Loại cơ cấu này thường được áp dụng khi nghiên cứu về một nhóm tội nào đó, được tính bằng tỷ trọng giữa tội danh cụ thể (bộ phận) đã xảy ra với tổng số tội phạm (tổng thể) đã xảy ra của một nhóm tội nào đó. Qua việc xác định theo cơ cấu từng tội danh cụ thể để biết được tỷ trọng từng tội trong nhóm tội và làm rõ tội nào là nổi cộm nhất để tập trung tìm ra nguyên nhân điều kiện định hướng phòng ngừa.

- Cơ cấu của THTP theo hình thức phạm tội

Tội phạm có thể được thực hiện dưới hình thức đơn lẻ, đồng phạm hay tội phạm có tổ chức. Loại cơ cấu này nhằm xác định tỷ lệ phần trăm của từng hình thức phạm tội đó chiếm bao nhiêu trong tổng số tội phạm đã xảy ra. Đây là một loại cơ cấu có ý nghĩa trong việc xác định tính chất của THTP, đặc biệt với chỉ số phần trăm của tội phạm có tổ chức. Cơ cấu này có thể áp dụng cho việc nghiên cứu THTP nói chung, THTP một nhóm tội, THTP của một tội danh cụ thể.

- Cơ cấu của THTP theo địa bàn phạm tội

Loại cơ cấu này áp dụng rất phổ biến trong nghiên cứu THTP. Có thể được áp dụng để nghiên cứu THTP nói chung trong cả nước để xác định tỷ lệ tội phạm của từng tỉnh, thành phố là bao nhiêu; địa bàn nông thôn là bao nhiêu, địa bàn đô thị là bao nhiêu. Có thể áp dụng cho việc nghiên cứu THTP trên địa bàn nhỏ hơn như tỉnh thành phố), quận, huyện. Không những áp dụng cho việc nghiên cứu THTP nói chung mà còn áp dụng cho việc nghiên cứu THTP của nhóm tội, tội danh cụ thể.

Loại cơ cấu này có nhiều ý nghĩa trong việc xác định nguyên nhân điều kiện gắn với địa bàn cụ thể, sắp xếp bố trí nhân lực cho các cơ quan tiến hành tố tụng ở từng địa bàn, bố trí đội ngũ làm công tác phòng ngừa cũng như tập trung biện pháp

phòng ngừa theo từng địa bàn trên cơ sở tổng số tội phạm đã xảy ra hoặc từng nhóm tội, tội danh cụ thể đã xảy ra.

- Cơ cấu của THTP theo loại hình phạt áp dụng cho người phạm tội

Hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Hình phạt chính: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình.

Hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Loại cơ cấu này xác định tỷ lệ áp dụng của từng loại hình phạt trong tổng số tội phạm đã xảy ra. Thường người ta chỉ đề cập đến cơ cấu hình phạt chính, tùy mục đích nghiên cứu có thể xác định cơ cấu của hình phạt bổ sung.

Loại cơ cấu này đang cần được nghiên cứu, thực tiễn xét xử hiện nay đang áp dụng hình phạt tù rất phổ biến dẫn đến quá tải các trại giam, trại tạm giam hiệu quả giáo dục cải tạo thấp, tạo áp lực cho việc chi ngân sách của Nhà nước và ảnh hưởng lớn đến đời sống gia đình người bị áp dụng hình phạt tù. Ngược lại đối với tội phạm chức vụ, tội phạm kinh tế lại tuyên hình phạt quá nhẹ, có khi cho hưởng án treo làm ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và tạo ra dư luận xấu trong xã hội.

- Cơ cấu của THTP theo hình thức lỗi

Cơ cấu này nhằm xác định trong tổng số tội phạm xảy ra, số vụ phạm tội do cố ý, số vụ phạm tội do vô ý từng loại chiếm tỷ lệ bao nhiêu để xác định có bao nhiêu người phạm tội do cố ý, bao nhiêu người phạm tội do vô ý trong tổng số người phạm tội. Cơ cấu này áp dụng khi nghiên cứu THTP nói chung và THTP của nhóm tội nào đó.

- Cơ cấu của THTP theo đặc điểm về nhân thân của người phạm tội

Đây là một tập hợp của nhiều cơ cấu, tùy vào mục đích nghiên cứu người ta phân chia nhân thân của người phạm tội theo các đặc điểm có ý nghĩa đối với nghiên cứu tội phạm học. Mỗi đặc điểm được đặc trưng bởi một cơ cấu. Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân có ý nghĩa to lớn đối với tội phạm học hiện đại, là cơ sở để áp dụng các biện pháp phòng ngừa xã hội, kiểm soát xã hội có hiệu quả trong phòng ngừa tội phạm.

Thông thường người ta sử dụng những đặc điểm nhân thân sau để xác định cơ cấu: tuổi, giới tính, dân tộc, có nghề nghiệp hay không có nghề nghiệp, tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, trình độ học vấn... những cơ cấu này có thể được áp dụng khi nghiên cứu THPT nói chung, nhóm tội hoặc một tội danh cụ thể.

- Cơ cấu của THPT theo động cơ phạm tội

Khi nghiên cứu tội phạm học, người ta chia những người phạm tội do cố ý theo tiêu chí động cơ (cái thôi thúc, động lực thúc đẩy người nào đó phạm tội) phạm tội vì vụ lợi, tình ái, thể hiện bản thân... để xem xét trong đó mỗi loại động cơ đó chiếm tỷ lệ bao nhiêu.

Theo quan điểm tác giả, với hướng tiếp cận của tội phạm học cũng cần được xem xét tới động cơ những người do vô ý phạm tội. Động cơ ở đây là cái thôi thúc người ta thực hiện hành vi. Ví dụ gây tai nạn giao thông cho người khác và hành vi đó đã gây thiệt hại cho người khác mặc dù họ không muốn gây thiệt hại. Từ đó có biện pháp tác động hiệu quả trong phòng ngừa.

- Cơ cấu của THPT theo đặc điểm công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian phạm tội

Đây là những cơ cấu thường được áp dụng khi nghiên cứu THPT của một tội danh cụ thể để tìm ra quy luật của loại tội nào đó phục vụ phòng ngừa, ngăn chặn.

- Cơ cấu của THPT theo đặc điểm mối quan hệ của nạn nhân với người phạm tội

Cơ cấu này thường được áp dụng khi nghiên cứu THPT của một tội danh cụ thể, với cụ thể từng loại tội mối quan hệ nào là điều kiện thúc đẩy tội phạm đó xảy ra.

Trên đây là những cơ cấu thường được khảo sát khi nghiên cứu THPT, ngoài ra căn vào phạm vi nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, người nghiên cứu có thể tiến hành khảo sát thêm những cơ cấu phù hợp với đề tài nghiên cứu.

Cơ cấu là cấu trúc bên trong của “hệ thống” THPT, chúng ta không chỉ nghiên cứu về mức độ của các cơ cấu mà còn phải xem xét đến diễn biến của các cơ cấu, tìm ra chiều hướng vận động của nó để nhận thức đầy đủ, đánh giá đúng tính chất của THPT.

Khi khảo sát đến cơ cấu ta phải khảo sát đến từng “khu vực” trong tổng thể THPT để tìm ra đặc điểm đáng quan tâm trong phạm vi đó, đồng thời tìm ra nguyên nhân điều kiện tạo nên đặc điểm đó, xác định được “vị trí” tương đối cụ thể của nơi chứa đựng nguyên nhân điều kiện đó để áp dụng đúng biện pháp phòng ngừa, đúng

nơi, đúng đối tượng cần áp dụng. Ví dụ: khi ta khảo sát độ tuổi của những người phạm tội thấy tội phạm do người chưa thành niên thực hiện ngày càng tăng. Đó là đặc điểm có ý nghĩa cần quan tâm. Ta lại khảo sát tiếp về trình độ học vấn được biết hầu hết chưa tốt nghiệp cấp 2, cấp 3. Ta lại tiếp tục khảo sát về hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú và biết phần lớn có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cư trú ở địa bàn giáp ranh giữa nông thôn và đô thị. Từ đây ta có thể kết luận được nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm của người chưa thành niên là các quá trình xã hội, hiện tượng xã hội trên địa bàn giáp ranh, tất nhiên chỉ là tương đối. Vậy ta đã tìm ra được nguyên nhân điều kiện, nơi tồn tại nguyên nhân, điều kiện từ đó thiết kế biện pháp phòng ngừa phù hợp với đối tượng trên địa bàn cụ thể.

1.2.4. Tính chất của tình hình tội phạm

Tính chất của THTP thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội, trong cơ cấu của THTP cũng như các đặc điểm nhân thân những người thực hiện tội phạm. Tính chất của THTP được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó. [45, tr. 66]

Tính chất của THTP là đặc điểm về chất thể hiện ở tính nguy hiểm cho xã hội và xu thế tăng lên. Ví dụ: Tội phạm về tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy trước đây đối tượng thực hiện với số lượng nhỏ, lẻ nhưng hiện tại thực hiện với số lượng ngày càng lớn, có xu hướng ngày càng tăng nên tính chất của tội phạm ngày càng nguy hiểm hơn.

Tổng số tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cao so với mức có thể chấp nhận, chiều hướng tăng lên. Ví dụ: Tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra liên tục, tăng cả về số vụ và số người thực hiện hành vi phạm tội, có xu hướng ngày càng tăng. So với tổng số tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội trong THTP là cao nhưng có thể chấp nhận được do kinh tế - xã hội phát triển.

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm và ngày càng tăng lên. Ví dụ: Tội phạm cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản với số lượng tài sản lớn chiếm tỷ trọng cao trong tổng số tội phạm xảy ra và ngày càng tăng.

Hậu quả thiệt hại về tài sản, thể chất, tinh thần, sự bất ổn của xã hội và xu thế tăng. Ví dụ: Tội phạm về tai nạn giao thông đường bộ đối với các vụ đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại rất lớn về tài sản, tính mạng của nhiều người gây bất ổn trong xã hội và có xu hướng ngày càng tăng.

Số lượng tăng lên của những người có đặc điểm nhân thân nhất định là người phạm tội như: người chưa thành niên, người có chức vụ, người có trình độ cao cũng phản ánh tính chất nguy hiểm của THTP. Ngoài ra tính chất nguy hiểm của cách thức phạm tội, công cụ phạm tội cũng phản ánh tính chất của THTP.

Muốn đánh giá đặc điểm về chất phải thông qua đặc điểm về lượng và qua thao tác phân tích số lượng đó. Tóm lại, muốn đánh giá được tính chất của THTP phải qua số liệu và qua phân tích thực trạng, diễn biến, cơ cấu.

Theo quan điểm của tác giả tội phạm ẩn cũng là tiêu chí để đánh giá tính chất của THTP. THTP là tổng thể các tội phạm đã xảy ra, nếu xét về số học chính là tổng của tội phạm rõ và tội phạm ẩn, vì vậy nếu tội phạm ẩn nhiều tội phạm rõ ít đi (phát hiện, điều tra, xử lý ít đi) vấn đề công lý không đạt được, người phạm tội có thể tiếp tục phạm tội. Ẩn nhiều là do người dân chấp nhận hoặc vì lý do nào đó miễn cưỡng chấp nhận việc phát sinh gây hại của tội phạm đây là đặc điểm nguy hại nhất. Ẩn nhiều là do thiếu hiệu quả của cơ quan chuyên trách. Ẩn nhiều dẫn đến số liệu phản ánh không chính xác, chính sách phòng ngừa không đạt được hiệu quả.

1.3. Phần ẩn của tình hình tội phạm

THTP là hệ thống tổng thể các tội phạm đã xảy ra trên thực tế. Trong tổng thể đó các tội phạm đã bị phát hiện, xử lý, đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm rõ hay THTP rõ. Phần còn lại vì lý do nào đó chưa được phát hiện, xử lý và đưa vào thống kê tội phạm gọi là phần tội phạm ẩn hay THTP ẩn.

Tội phạm ẩn hay THTP ẩn là tất yếu, khách quan. Đây là luận điểm mang tính biện chứng, con người chỉ nhận thức sự vật, hiện tượng ở mức độ tương đối, không bao giờ là nhận thức được tất cả, luôn có phần chưa nhận thức được, nhận thức về THTP cũng như vậy.

Có nhiều quan điểm về tội phạm ẩn;

Ví dụ: có vụ phạm tội cướp giật tài sản xảy ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đối tượng đã tẩu thoát, nhưng người bị hại không trình báo cơ quan có thẩm quyền. Do đó cơ quan chức năng không có thông tin về tội phạm, đối tượng thực hiện hành vi phạm tội không bị phát hiện, xử lý và vụ án xảy ra không được thống kê trong THTP.

Là một trong hai phần của THTP, tội phạm ẩn (hay phần ẩn của THTP) được tạo nên bởi tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra trong thực tế, nhưng không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê tội phạm. [6, tr. 163]

Tội phạm ẩn là số lượng tội phạm và người phạm tội đã thực hiện trên thực tế nhưng không được tường thuật với cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa bị phát hiện (một cách chính thức), do vậy chưa bị xử lý về hình sự, chưa có trong thống kê hình sự chính thức. [16, tr. 181]

Số liệu thống kê về tội phạm là cơ sở thực tế, chất liệu để nghiên cứu về tội phạm học, trên cơ sở thực tế của số liệu thống kê để phân tích về THTP, tìm ra nguyên nhân điều kiện và thiết kế áp dụng biện pháp phòng ngừa. Số liệu thống kê càng sát với thực tế bao nhiêu việc nghiên cứu giải quyết THTP càng chính xác, mang lại hiệu quả bấy nhiêu. Một hệ thống số liệu thống kê khoa học, sát thực tế là điều kiện tiên quyết cho việc nghiên cứu và giải quyết THTP.

Với quan điểm đó, THTP ẩn là tổng thể các tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng chưa được phát hiện, xử lý và chưa được đưa vào thống kê tội phạm.

Tội phạm ẩn là tất yếu, khách quan nhưng phải ở mức độ cho phép nếu không sẽ dẫn đến việc nhận thức về THTP bị sai lệch. Ta nhận thức một cách khoa học về THTP thông qua THTP rõ bởi các số liệu thống kê khoa học, chính xác, sát thực tế. Nếu tỷ lệ tội phạm ẩn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm đã xảy ra, “bức tranh” về THTP được phản ánh qua tội phạm rõ là không trung thực, sai lệch về bản chất.

Tội phạm ẩn nghĩa là đã xảy ra nhưng không được phát hiện xử lý tức là công lý chưa đạt được, người đã phạm tội có điều kiện, khả năng tiếp tục phạm tội gây hại, làm bất ổn cho xã hội, mất lòng tin của người dân.

Đấu tranh phòng, chống tội phạm là đấu tranh chống lại tiêu cực, xóa bỏ tiêu cực để phát triển xã hội, đó là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm của mọi cá nhân trong xã hội. Mức độ tội phạm ẩn lớn đồng nghĩa với sự tham gia của người dân, các đoàn thể, các cơ quan vào quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa đạt hiệu quả.

Tội phạm ẩn lớn còn là sự phản ánh sự thiếu hiệu quả của các cơ quan chuyên trách trong việc xử lý vấn đề tội phạm.

1.3.1. Các loại tình hình tội phạm ẩn

Tội phạm ẩn là một phần của THTP, không giống THTP rõ, nơi được phản ánh bằng những thông số thống kê cụ thể, trực diện. THTP ẩn phản ánh không giống cách thức phản ánh của tội phạm rõ, do vậy phải có sự nhận thức phù hợp với tình hình thực tế. Tội phạm học chia THTP ẩn thành các loại tội phạm ẩn khác nhau.

- *Tội phạm ẩn khách quan*

Tại mỗi quốc gia, việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được giao cho một hệ thống các cơ quan. Đó là hệ thống các cơ quan chuyên trách để xử lý tội phạm. Tại Việt Nam hệ thống các cơ quan đó bao gồm: Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan điều tra các cấp, viện kiểm sát nhân dân các cấp, tòa án nhân dân các cấp các cơ quan này gọi là cơ quan chuyên trách. Tội phạm không được phát hiện, xử lý là khách quan, ngoài chủ quan của hệ thống các cơ quan này người ta gọi là tội phạm ẩn khách quan. Hay nói cách khác là các cơ quan chuyên trách không có thông tin về tội phạm. Nguyên nhân dẫn đến các cơ quan chuyên trách không có thông tin về tội phạm gồm nhiều yếu tố khác nhau. Tóm lại ở các phương diện sau: Từ chính sự kiện phạm tội, từ chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, từ người bị hành vi tội phạm xâm hại, từ người biết về sự việc phạm tội.

- Tội phạm ẩn chủ quan

Tội phạm ẩn chủ quan là vì những lý do chủ quan của hệ thống các cơ quan được giao nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm mà tội phạm đã xảy ra trên thực tế không được phát hiện, xử lý. Hệ thống các cơ quan đó bao gồm tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Tội phạm ẩn thống kê

Tội phạm ẩn thống kê là khái niệm dùng để chỉ tội phạm đã xảy ra trên thực tế, đã được phát hiện, xử lý nhưng vì lý do nào đó (không phải do sai số thống kê) mà việc thống kê không đếm hết được số người phạm tội hay số vụ phạm tội dẫn đến số liệu thống kê không chính xác của THTP. Từ đó các cơ quan khi dựa vào số liệu thống kê để nghiên cứu, thiết kế các biện pháp phòng ngừa chưa đảm bảo độ tin cậy cao.

Tội phạm ẩn thống kê hiện nay là khái niệm còn có nhiều ý kiến trái chiều. Có người thừa nhận tội phạm ẩn thống kê là một loại tội phạm ẩn. Cũng có người không thừa nhận tội phạm ẩn thống kê là một loại tội phạm ẩn. Theo quan điểm giả việc nghiên cứu THTP của một địa bàn cụ thể trong những khoảng thời gian nhất định để thiết kế các biện pháp phòng ngừa phải dựa trên hệ thống số liệu thống kê đầy đủ, chính xác. Sự không ghi nhận đầy đủ về số người phạm tội, số vụ phạm tội nghĩa là số liệu được tạo ra chưa hoàn toàn chính xác đầy đủ. Vậy phải coi tội phạm không được ghi nhận đó là tội phạm ẩn.

1.3.2. Nguyên nhân của tội phạm ẩn

- *Nguyên nhân của tội phạm ẩn khách quan*

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ người thực hiện hành vi phạm tội*

Người thực hiện hành vi phạm tội nếu bị phát hiện xử lý sẽ phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi đó là chế tài. Hầu hết mọi chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đều không mong muốn bị phát hiện, bị xử lý. Để thực hiện được mong muốn đó người thực hiện hành vi phạm tội bằng các phương thức, cách thức tinh vi, người khác nhìn vào khó phát hiện đó là tội phạm, không để lại dấu vết. Họ che dấu tội phạm một cách kín đáo, khi bị phát hiện tìm mọi cách, mọi lợi thế sẵn có để cản trở.

Ta đang nghiên cứu về tội phạm ẩn có lý do từ người thực hiện hành vi phạm tội, tức là tìm ra, chỉ ra những người có đặc điểm nhân thân như thế nào thực hiện hành vi phạm tội mà không bị phát hiện. Những người nào thực hiện hành vi phạm tội lại ít bị phát hiện nhất. Người phạm tội có thể phân chia thành nhiều loại nhưng hai loại mà ta xét sau có khả năng che dấu hành vi của mình tốt nhất. [19]

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ những người phạm tội liên tục*

Người phạm tội nếu thực hiện hành vi phạm tội lần đầu trót lọt, đặc biệt là những tội phạm thu được lợi ích về kinh tế, khả năng cho việc tiếp tục thực hiện tội phạm tiếp theo là rất lớn. Việc thực hiện trót lọt cũng cổ vũ niềm tin cho người phạm tội không bị trừng trị, lợi ích thu được quá lớn so với hoạt động hợp pháp là động lực mãnh liệt, việc thực hiện tội phạm tiếp theo là gần như chắc chắn. So với việc thực hiện lần đầu, lần tiếp theo có khả năng sẽ hoàn hảo hơn cả về độ tinh vi lẫn sự nguy hiểm cho xã hội. Trong xã hội hiện nay, những loại người này ngày càng có động thái tăng lên với sự hiện diện ở nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, sự tăng lên cùng với mối quan ngại sâu sắc cho xã hội đó tội phạm do những người có chức vụ, quyền hạn thực hiện. Họ lợi dụng, lạm dụng quyền hạn, lợi dụng chuyên môn nghề nghiệp, lợi dụng mối quan hệ công tác, lợi dụng “nhóm lợi ích” của mình để thực hiện nhiều hành vi phạm tội và che dấu hành vi phạm tội cũng như cản trở sự phát hiện của các cơ quan chức năng. Với những đặc điểm đó, tội phạm ẩn do nhóm người này tạo ra lớn. Trên thực tế trong những năm qua, mỗi vụ án của nhóm người này được đưa ra xét xử hiếm khi chỉ đơn thuần là một hành vi của một tội nào đó mà là tổng hợp nhiều hành vi phạm một tội hay nhiều tội, kéo dài từ nhiều năm trước đó. Điển hình cho cả hành vi và thiệt hại đó là vụ công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) gây thiệt hại gần 3.300 tỷ đồng từ năm 2011 đến năm 2013, nhưng đến năm 2016 mới phát hiện.

Đối tượng thực hiện hành vi phạm tội của nhóm nhân thân này xâm hại tới là tài sản của nhà nước, loại tài sản mà trên góc độ quản lý người chủ của nó thực hiện quyền quản lý rất kém hiệu quả, đôi khi người được giao làm chủ nó không đúng bản chất của người chủ theo đúng nghĩa.

Tội phạm xảy ra thường trong nội bộ một cơ quan, có khi là công khai nhưng chỉ là công khai trong “nhóm lợi ích”, những người khác không cùng nhóm lợi ích không có thông tin hoặc có thông tin nhưng rất ít và bị những người phạm tội bằng những “công cụ” khác tác động đến lợi ích của những người đó làm cho họ phải giữ kín thông tin. Như vậy toàn bộ quy trình từ khi hành vi tội phạm xảy ra và quá trình ẩn của nó đang bị nhóm lợi ích hoặc lợi ích chi phối, con người ít ai từ bỏ lợi ích của mình.

Môi trường, điều kiện sống cụ thể đó đã và đang hình thành nên trong đội ngũ cán bộ, công chức có “giá trị văn hóa” coi tham nhũng là bình thường. Trong khi bộ phận rộng lớn còn lại là nhân dân, phần còn lại của xã hội đang kịch liệt lên án. Theo thuyết Xung đột xã hội đó gọi là xung đột văn hóa thứ cấp, là nguyên nhân của tội phạm. Đó cũng là môi trường lý tưởng cho tội phạm ẩn.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ những người phạm tội có đặc điểm nhân thân là tái phạm*

Tái phạm là việc một người đã thực hiện hành vi phạm tội chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Đây là những người tiêu biểu cho sự có nhiều đặc điểm nhân thân tiêu cực, thuận lợi cho sự phát sinh tội phạm.

Về tội phạm của những người tái phạm thực hiện chắc chắn sẽ hoàn toàn khác với người phạm tội lần đầu. Họ có “kỹ năng” thực hiện hành vi tội phạm tốt hơn, tinh vi hơn, hạn chế đến mức thấp nhất việc để lại dấu vết, khả năng đối phó, cản trở việc phát hiện tội phạm nhiều hơn, nhất là những người lấy công việc phạm tội làm nghề nghiệp để sống (phạm tội chuyên nghiệp). Do vậy tội phạm ẩn do những người này thực hiện tất yếu sẽ cao hơn.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ phía nạn nhân của tội phạm*

Hầu hết mọi tội phạm xảy ra đều có nạn nhân, đó là cá nhân hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần do hành vi tội phạm xâm hại tới. Vì trực tiếp bị tội phạm xâm hại nên họ có nhiều thông tin, dấu vết về tội phạm. Theo lẽ thông thường họ phải thông báo cho cơ quan chức năng để xử lý tội phạm, yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên trên thực tế có nhiều lý do mà nạn nhân của tội phạm không hành động theo lẽ thông thường đó. Họ không báo thông tin về tội phạm cho

các cơ quan chức năng biết hoặc cá biệt có trường hợp còn che giấu, cản trở sự phát hiện tội phạm. Nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân hoặc tổ chức, chúng ta sẽ khảo sát theo tiêu chí đó.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ nạn nhân là cá nhân*

Nạn nhân của tội phạm là cá nhân hoặc tổ chức bị thiệt hại về vật chất hoặc tinh thần do chính hành vi phạm tội gây ra. Về cá nhân, đó là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần. Họ không cung cấp thông tin về tội phạm cho cơ quan chức năng bởi các lý do sau:

• *Không dám tố giác*

Tội phạm đã xảy ra, hành vi phạm tội đã trực tiếp gây thiệt hại đến những người bị xâm hại. Nhưng cá nhân bị gây thiệt hại, có khi là thiệt hại không nhỏ hoặc có nguy cơ còn tiếp tục tái diễn, lại không dám tố giác, mặc dù mong muốn người phạm tội phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. Đây là những nạn nhân có mối quan hệ nhất định với người phạm tội đã gây thiệt hại cho mình. Họ có thể bị đe dọa hoặc chưa bị đe dọa nhưng nhận thức được rằng nếu tố giác thì chính những người phạm tội đó sẽ gây bất lợi, thiệt hại cho mình. Những trường hợp này nạn nhân có thể bị phụ thuộc vào các mối quan hệ như quan hệ nuôi dưỡng, quan hệ phụ thuộc về kinh tế, quan hệ giữa nhân viên và thủ trưởng, hoặc sợ bị trả thù.

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường còn tạo ra những mặt trái, trong đó có những cá nhân, tổ chức kiếm sống bằng việc thực hiện tội phạm, thu lợi từ thực hiện tội phạm. Những người, tổ chức đó sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn để đảm bảo cho những tội phạm của họ không bị phát hiện. Trong đó việc đe dọa người bị hại là thủ đoạn chúng hay sử dụng. Điển hình như vụ Trương Văn Cam cùng đồng phạm và nhiều vụ án khác chứng minh cho việc người bị hại khiếp sợ đến mức không dám tố giác. Tình trạng này diễn ra bởi một phần là sự đe dọa, hung hăng, tàn bạo của tội phạm. Mặt khác thể hiện sự quan liêu của các cơ quan chức năng, thiếu biện pháp bảo vệ cho những nạn nhân trong thực tế cũng như trong quy định của pháp luật.

• *Không tin tưởng vào cơ quan chức năng*

Cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án là các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo luật định, có nhiệm vụ phát hiện xử lý mọi tội phạm xảy ra, đảm bảo không bỏ lọt tội phạm. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, THTP có xu hướng ngày càng gia tăng. Sự gia tăng đó kéo theo nhiệm vụ của hệ thống cơ quan tố tụng ngày càng nặng nề. Nhưng về cơ cấu, tổ chức cho lượng thực thi nhiệm vụ chưa được đảm bảo

như: trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương tiện kỹ thuật, năng lực công tác. Do vậy hiệu quả thấp trong điều tra, xử lý tội phạm. Chính điều đó cùng với những tiêu cực xảy ra trong các cơ quan tố tụng đã tạo ra sự không tin tưởng ở người dân. Khi họ trở thành nạn nhân của tội phạm, họ đã không tố giác với cơ quan chức năng.

Sự không tin tưởng của nạn nhân còn là thái độ, cơ chế giải quyết tin báo tố giác tội phạm. Khi nạn nhân đến trình báo về tội phạm về nguyên tắc cán bộ giải quyết phải hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ. Nhưng trên thực tế không phải nơi nào cũng đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc. Khi người dân đến tố giác về tội phạm không những không được hướng dẫn, giúp đỡ mà còn nhận được thái độ bàng quang, quan liêu từ đó dẫn đến sự thiếu tin tưởng vào các cơ quan tố tụng. Quá trình xác minh tin báo gây phiền hà, khó khăn thậm chí có cán bộ còn đòi hỏi chia tài sản thu hồi được.

- *Không tố giác vì mong muốn giữ kín sự kiện phạm tội*

Có những tội phạm xảy ra như tội hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em, dâm ô với trẻ em nạn nhân nhận thức rằng nếu không giữ kín sự kiện phạm tội thì chính họ là người phải chịu thêm những thiệt hại khác. Đó là những thiệt hại bị gây ra tiếp theo bởi cách nhìn nhận, đánh giá của những người xung quanh. Quan niệm về tiết hạnh khắc nghiệt của tư tưởng phong kiến còn in đậm trong xã hội hiện nay nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi. Nhiều người phụ nữ là nạn nhân của tội hiếp dâm đã phải chịu nhiều áp lực từ dư luận xã hội xuất phát từ quan niệm lạc hậu đó.

Mong muốn giữ kín sự kiện phạm tội còn là nhằm che đậy hành vi vi phạm pháp luật thậm chí là tội phạm khác của chính nạn nhân hoặc người thân thích của nạn nhân. Đó là sự che đậy về tài sản bị chiếm đoạt là tài sản được hình thành bằng con đường không hợp pháp, che đậy là vì trước đó nạn nhân hoặc chính người thân nạn nhân có những hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố tác động để hình thành nên sự kiện phạm tội đó. Thực tế là trong những năm gần đây, nhiều gia đình của những quan chức bị trộm cắp tài sản nhưng không tố giác mặc dù số lượng tài sản bị thiệt hại rất lớn. Chỉ đến khi điều tra mở rộng từ vụ án khác mới phát hiện được.

- *Không che dấu tội phạm nhưng không muốn tố giác*

Trong xã hội luôn tồn tại một trạng thái tâm lý là khi sự kiện phạm tội xảy ra, nạn nhân đã phải chịu thương tích, đã bị mất mát, hư hỏng tài sản (thường là thương tích nhẹ, tài sản không lớn) nhưng không muốn đến cơ quan chức năng để tố giác mặc dù không che dấu tội phạm. Họ tự thỏa thuận, giàn xếp với người phạm tội

hoặc người nhà người phạm tội. Thực tế này diễn ra với số lượng không nhỏ, nhất là tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác, tội trộm cắp tài sản... Chính trạng thái tâm lý này lại được củng cố thêm bởi sự hoạt động không hiệu quả của hệ thống tổ tụng hình sự; sự phiền hà, gây khó khăn của cán bộ tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm. Khả năng buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm về vấn đề dân sự trong hình sự kém hiệu quả nên nạn nhân tự nguyện thỏa thuận với người phạm tội để đạt được sự bù đắp tổn thất của mình.

• *Không tố giác vì không nhận thức được hành vi phạm tội đối với mình*

Có những tội phạm đã xảy ra trên thực tế mà các cơ quan chuyên môn còn phải nghiên cứu xem xét một cách kỹ càng mới đưa vào xử lý nhằm đảm bảo đúng người, đúng tội. Người dân không có trình độ về pháp luật, không nhận thức được có tội phạm gây hại cho mình là điều tất yếu. Đối với những người dân ở vùng sâu, vùng xa trình độ học vấn không có thậm chí không biết chữ thì hiện tượng này càng trở nên phổ biến. Có những tội phạm xảy ra trong gia đình như là cha đánh con, chồng đánh vợ, bạo hành gia đình, làm nhục người khác, tổ chức tảo hôn... nhưng người ta quan niệm đó là quyền của người cha, mẹ, việc riêng của mỗi gia đình. Chính người bị hại không nhận thức được tội phạm, xã hội và những người xung quanh cũng không nhận thức được tội phạm đã xảy ra thì tội phạm ẩn do nguyên nhân trên là tất yếu.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có lý do từ nạn nhân là cơ quan, tổ chức*

Nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân hay tổ chức. Xét về nạn nhân là cơ quan, tổ chức là xét đến những cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về vật chất do hành vi phạm tội xâm hại. Hay nói thực tế hơn là những cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm quản lý về tài sản bị tội phạm xâm hại tới.

Thực tế của THTP trong những năm gần đây cho thấy các cơ quan, tổ chức này thường là nạn nhân của các tội về tham nhũng mà tiêu biểu đó là tội tham ô tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với sự tiếp tay hoặc thiếu trách nhiệm của thành viên trong các cơ quan tổ chức đó. Các cơ quan tổ chức này bị xâm hại bởi chính hành vi phạm tội của các thành viên, thậm chí là thành viên chủ chốt, hoặc được tiếp tay bởi chính các thành viên trong cơ quan, tổ chức ấy.

Các cơ quan tổ chức là nạn nhân với danh nghĩa là được giao quản lý tài sản. Tội phạm ẩn trong các cơ quan, tổ chức là do chủ quan của bộ máy điều hành mà trách nhiệm đầu tiên thuộc về người đứng đầu. Như đã phân tích ở trên và thực tế đã chứng minh cơ quan, tổ chức trở thành nạn nhân bởi chính thành viên của mình,

đặc biệt là thành viên chủ chốt. Chính họ cũng là người đại diện cho nạn nhân, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân nghĩa là tố giác tội phạm. Nếu họ thực hiện theo đúng danh nghĩa, trách nhiệm tức là tố giác chính bản thân mình. Đó là điều phi thực tế và tất yếu tội phạm ẩn tồn tại.

Những thành viên được hưởng lợi khi cơ quan, tổ chức trở thành nạn nhân của tội không tố giác là hiển nhiên. Những thành viên còn lại có được hưởng lợi hay bị thiệt hại?. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức hiện nay gần như mặc nhiên thừa nhận việc tham nhũng là tất yếu, họ không phản kháng trước những hành vi đó bởi vì trong suy nghĩ của họ không cho là sai trái. Những người cần cù, trung thực muốn phản kháng nhưng họ nhận ra rằng phản kháng không những là vô ích mà còn hại đến bản thân, gia đình. Họ quá đơn độc, yếu thế trước “thế lực” của nhóm người tham nhũng. Hiện tượng “người ngay sợ kẻ gian” không chỉ xảy ra ngoài xã hội mà ngay cả chính trong môi trường này. Về phía nhà nước, những cơ quan được giao trách nhiệm giám sát việc quản lý tài sản tại các cơ quan, tổ chức đã thực hiện trách nhiệm của mình như thế nào?. Những vụ tham nhũng lớn trước khi tự thân nó vỡ ra có hàng loạt cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vào cuộc nhưng không phát hiện. Họ không đủ năng lực, không làm hết trách nhiệm hay “nhóm lợi ích” chi phối hoạt động của họ.

Tỷ lệ tội phạm ẩn nhiều là việc phát sinh nhiều tội phạm nhưng không được phát hiện, xử lý. Như đã phân tích, môi trường quản lý nhà nước hiện nay đang là nguyên nhân điều kiện thuận lợi cho việc phát sinh và làm ẩn tội phạm tại các cơ quan, tổ chức được giao quản lý tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Phải đổi mới hoạt động để hạn chế dần nguyên nhân điều kiện đó. Tài sản nhà nước đang quản lý thuộc sở hữu toàn dân, không ai có thể quản lý tài sản tốt hơn người chủ. Tạo ra cơ chế để người dân chung tay vào quản lý tài sản của chính mình, tạo ra môi trường mà ở đó “nhóm tham nhũng” phải là nhóm yếu thế trước sức mạnh to lớn là nhân dân.

+ *Tội phạm ẩn khách quan có nguyên nhân từ nhân chứng*

Nhân chứng là những người biết được thông tin về sự kiện tội phạm. Những lý do tội phạm ẩn khách quan xuất phát từ người làm chứng là những lý do làm cho nhân chứng không tự nguyện cung cấp cho cơ quan chức năng khi biết được thông tin về tội phạm, không khai báo hoặc khai báo không đúng sự thật về tội phạm mà mình biết. Từ đó các cơ quan chức năng không có thông tin về tội phạm, không đủ chứng cứ để xử lý người phạm tội và làm ẩn tội phạm.

Nhân chứng là người quan trọng trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm. Là người cung cấp thông tin ban đầu về tội phạm để cơ quan chức năng xác lập các thủ tục, biện pháp tố tụng, là người cung cấp chứng cứ khách quan cho việc xử lý tội phạm. Nhân chứng có mặt rộng khắp mọi nơi, mọi lĩnh vực, ai ai trong mỗi người dân đều có thể là một nhân chứng tiềm tàng. Vấn đề ở chỗ là làm thế nào để phát huy được sự hợp tác của họ vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Hành vi của con người bị chi phối bởi lợi ích. Nhân chứng chỉ hợp tác khi họ nhận thấy lợi ích, tùy theo nhận thức của từng người mà lợi ích của họ khác nhau. Lợi ích không đơn thuần là lợi ích vật chất. Những yếu tố nào cản trở sự hợp tác của họ?

Về nhận thức, ý thức pháp luật, trách nhiệm cộng đồng trong xã hội chưa làm cho họ hiểu rõ tố giác tội phạm là làm cho cái xấu bị trừng trị, đảm bảo cho công lý được thực thi, cái xấu không còn tồn tại hoặc bị hạn chế. Có người nhận thức được ý thức pháp luật nhưng ý thức cộng đồng chưa đủ lớn nên họ không đến cơ quan chức năng để cộng tác. Cũng có người nhận thức được, có trách nhiệm cộng đồng cao đã đến hợp tác nhưng không có lợi ích gì mà còn bị chính quá trình tố tụng làm ảnh hưởng đến lợi ích của họ, bị chính người phạm tội hay “nhóm lợi ích” bao che cho tội phạm xâm hại, đe dọa xâm hại đến quyền lợi của họ.

Về nhận thức của chính đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng, của pháp luật đang khai thác dưới góc độ trách nhiệm của công dân, người làm chứng, chưa chú trọng đến vấn đề lợi ích của người làm chứng.

- Nguyên nhân của tội phạm ẩn chủ quan

Những nguyên nhân chủ quan của hệ thống cơ quan này làm cho tội phạm đã xảy ra không được phát hiện, xử lý là do nhận hối lộ, bị mua chuộc, bị khống chế, thông đồng, cùng tham gia thực hiện tội phạm; do thiếu trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ; chưa phát huy được sự cộng tác của nhân dân mà cụ thể là nhân chứng, nạn nhân.

Đây là loại tội phạm ẩn có tính nguy hại cao nhất bởi không những làm ẩn những tội phạm xảy ra trên thực tế mà có thể đi cùng với tội phạm ẩn là một tội phạm mới phát sinh như tội “nhận hối lộ”, tội “đưa hối lộ”, tội “làm sai lệch hồ sơ vụ án”, tội “không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội”, tội “lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Tội phạm ẩn loại này cũng thể hiện sự thiếu trách nhiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách.

Tội phạm ẩn chủ quan là loại tội phạm ẩn có tính nguy hại lớn nhất. Nó không chỉ phản ánh lệch lạc “bức tranh” của THTP, làm phát sinh tội phạm mới, phản ánh sự tiêu cực, thiếu hiệu quả của hệ thống cơ quan chuyên trách trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Sự nguy hại hơn cả là làm mất niềm tin của người dân, làm cho nhân dân thờ ơ, bàng quang, phó mặc. Thực tế đã chứng minh không có sự ủng hộ, giúp đỡ, đồng thuận của người dân thì sẽ không thành công.

Tội phạm ẩn khách quan hay chủ quan đều chỉ hiện tượng tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng không được phát hiện, xử lý. Việc phân chia ra các loại nhằm giúp cho việc nhận thức có hệ thống, đúng lý do để tìm ra giải pháp phù hợp. Tuy nhiên cần phải nhận thức một loại tội phạm, lĩnh vực, khu vực mà ở đó tội phạm ẩn “lưu trú” thì có sự tác động của cả những lý do khách quan và lý do chủ quan. Cần phải nhận thấy mức độ tác động của từng loại yếu tố, những yếu tố nào thuộc về chủ quan tác động làm cho yếu tố khách quan thêm “động lực” làm phát sinh tội phạm ẩn để có giải pháp cụ thể khắc phục các yếu tố chủ quan đó.

1.4. Mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm

- Mối quan hệ giữa THTP với nhân thân người phạm tội

Nhân thân người phạm tội “là tổng thể các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó” [45, tr. 131]

Trong mối quan hệ nhân quả, các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội tác động với môi trường bên ngoài phát sinh tội phạm và THTP. Các đặc điểm nhân thân tiêu cực của người phạm tội được xét đến như là nguyên nhân của THTP.

Mặt khác trong mối quan hệ của tổng thể THTP, nhân thân người phạm tội được nhìn thấy như là một bộ phận của THTP, các đặc điểm nhân thân trên góc độ chung nhất là các yếu tố hình thành nên thực trạng, cơ cấu, là yếu tố không thể thiếu khi đánh giá động thái, tính chất của THTP.

- Mối quan hệ của THTP với nguyên nhân và điều kiện của THTP

THTP là hiện tượng xã hội được biểu hiện bằng hệ thống tổng thể các tội phạm xảy ra trên thực tế trong khoảng thời gian nhất định và trên địa bàn nhất định. Hiện tượng xã hội giống như bao hiện tượng xã hội khác phát sinh và tồn tại trong xã hội nhưng lại không thúc đẩy sự phát triển xã hội. Trái lại hiện tượng tội phạm là hiện tượng xã hội tiêu cực bởi nó được tạo nên bởi các hành vi đi ngược quy chuẩn chung của xã hội và sự gây hại của chính các hành vi đó cho xã hội.

Nguyên nhân điều kiện của THPT là sự tác động qua lại giữa các yếu tố làm phát sinh tội phạm, THPT, hiện tượng xã hội được gọi là tội phạm. Các yếu tố đó là các tiêu cực trong chính các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội thuộc môi trường sống của con người tác động qua lại với con người tạo nên đặc điểm nhân thân tiêu cực nơi chính con người đó tồn tại. Yếu tố thuộc về môi trường sống được gọi là những tình huống xã hội có vấn đề mà sự tác động qua lại của các yếu tố này với con người mang đặc điểm nhân thân tiêu cực làm phát sinh hành vi của chính con người gọi là hành vi phạm tội, làm phát sinh tội phạm, THPT.

Nếu coi hiện tượng xã hội gọi là tội phạm là kết quả thì các yếu tố tiêu cực (sự tác động qua lại của các yếu tố tiêu cực với con người) trong chính các hiện tượng xã hội, các quá trình xã hội tồn tại trong môi trường sống là nguyên nhân tạo ra kết quả đó. THPT là kết quả của sự tác động qua lại của các yếu tố tiêu cực trong môi trường sống với con người. Với tính cách là kết quả, để cho kết quả đó không xảy ra chỉ thực hiện được bằng việc làm hạn chế hoặc triệt tiêu các yếu tố được gọi là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; làm giảm sự tác động của các yếu tố đó tác động với con người để hình thành nên con người mang đặc điểm nhân cách tiêu cực; làm giảm sự tác động của các yếu tố tiêu cực gọi là tình huống xã hội có vấn đề với con người mang đặc điểm nhân thân tiêu cực.

Kết luận chương 1

Chương 1 là hệ thống lý luận về THPT, mối quan hệ của THPT với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân điều kiện của THPT. Hệ thống đó được nghiên cứu, kế thừa, tập hợp từ nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm học trước đó của các tác giả trong nước và sự phát triển của bản thân người nghiên cứu. Trong hệ thống lý luận đó là khái niệm và các đặc điểm của THPT; thực trạng và ý nghĩa của thực trạng THPT; diễn biến và ý nghĩa của diễn biến THPT; cơ cấu, các loại cơ cấu và ý nghĩa của từng cơ cấu; tính chất và cách đánh giá tính chất của THPT thông qua cơ cấu, diễn biến, thực trạng; làm rõ mối quan hệ của THPT với nhân thân người phạm tội và nguyên nhân, điều kiện của THPT.

Toàn bộ hệ thống lý thuyết đó là cơ sở để nghiên cứu khảo sát thực tiễn THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang một cách có hệ thống, khoa học để thu được những kiến thức cần có phục vụ phòng ngừa tội phạm.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG TỪ NĂM 2012 ĐẾN NĂM 2016 VÀ DỰ BÁO

Cái Bè là huyện nằm ở phía tây của tỉnh Tiền Giang, là cửa ngõ của vùng Đồng Tháp Mười, là một trong những huyện thuộc vùng lúa cao sản và là vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản lớn nhất tỉnh Tiền Giang. Cái Bè là địa bàn có điều kiện kết nối với các huyện, thành phố trong khu vực, được định hướng phát triển theo hướng nông nghiệp - thương mại - dịch vụ. Cái Bè thật sự là một địa bàn quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội. Trong những năm qua mặc dù được sự quan tâm của các cấp chính quyền trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nhưng THTP vẫn còn diễn biến phức tạp, có xu hướng tăng, giảm không theo quy luật, đặc biệt là các tội về nhóm tội xâm phạm sở hữu; nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; nhóm tội phạm về ma túy. Cái Bè vẫn còn tồn tại những khu vực diễn biến phức tạp của những loại tội phạm đặc thù. THTP huyện Cái Bè vừa mang những đặc điểm chung của THTP tỉnh Tiền Giang vừa mang những đặc điểm riêng có xuất phát từ chính các hiện tượng xã hội, các quá trình kinh tế - xã hội của chính huyện Cái Bè. Thực tiễn THTP đó sẽ được khảo sát, nghiên cứu trên phần tội phạm rõ (phân hiện) và phân ẩn.

2.1. Đặc điểm phân rõ của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

2.1.1. Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Luận văn nghiên cứu thực trạng (mức độ) của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang được khảo sát trên ba mức độ: mức độ tổng quan, mức độ nhóm, mức độ tội danh cụ thể.

- Mức độ tổng quan THTP rõ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Mức độ tổng quan là cơ sở để xác định cơ sở tội phạm, cơ sở hành vi phạm tội, xu hướng của THTP, trong đó cơ sở tội phạm, cơ sở hành vi phạm tội là chỉ số khái quát nhất để đánh giá về mức độ của THTP trên một đơn vị hành chính lãnh thổ. Có thể xét đến số tội danh xảy ra trên thực tế gọi là cơ sở tội danh.

+ Cơ sở tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Cơ số tội phạm được tính bằng số vụ án xảy ra trong thời gian một năm trên 10.000 dân.

Bảng 2.1. Cơ số tội phạm của THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Vụ	Dân số (người)	Cơ số tội phạm
2012	163	284.793	5,72
2013	167	285.778	5,84
2014	158	287.042	5,50
2015	162	291.994	5,54
2016	151	292.768	5,15
Trung bình	160,2		5,55
Tổng	801		

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Như vậy, cơ số tội phạm cao nhất là năm 2013 với chỉ số là 5,84; thấp nhất là năm 2016 với chỉ số là 5,15; chỉ số trung bình trong 5 năm từ 2012 đến 2016 là 5,55; so với chỉ số trung bình trong 5 năm từ 2012 đến 2016 của THPT tỉnh Tiền Giang là 6,5. Nhìn chung cơ số tội phạm thấp so với mức trung bình của tỉnh Tiền Giang; tăng, giảm với độ giao động thấp, không có quy luật, xu hướng chung ngày càng giảm.

+ Cơ số hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Cơ số hành vi phạm tội được tính bằng số bị cáo được đưa ra xét xử trên 10.000 dân.

Bảng 2.2. Cơ số hành vi phạm tội của THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Bị cáo	Số dân	Cơ số hành vi
2012	243	284.793	8,53
2013	235	285.788	8,22
2014	183	287.042	6,37
2015	118	291.944	4,04

2016	132	292.768	4,50
Trung bình			6,33

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Cơ số hành vi phạm tội của THTP huyện Cái Bè cao nhất là năm 2012 với chỉ số là 8,53; thấp nhất là năm 2015 với chỉ số là 4,04; chỉ số trung bình trong 5 năm là 6,33 so với cơ số hành vi phạm tội của THTP tỉnh Tiền Giang có chỉ số trung bình là 8,6 là thấp, cơ số hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè có xu hướng giảm dần, năm 2012 là 243 bị cáo; năm 2016 là 132 bị cáo giảm gần phân nửa số người phạm tội.

+ *Cơ số tội danh trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Số tội danh xảy ra trên thực tế ít so với quy định của Bộ luật hình sự, đa số là các tội mang tính truyền thống, chưa có những tội mang tính chất mới như về công nghệ thông tin hoặc có tính chất lợi dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội.

Bảng 2.3. Mức độ tội danh xảy ra của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 so với số tội danh Bộ luật hình sự quy định

Năm	Tổng số điều luật quy định về tội phạm cụ thể trong BLHS	Số điều luật về tội phạm cụ thể đã áp dụng để xử lý tội phạm xảy ra	Tỷ lệ
2012	239	17	7,11%
2013	239	18	7,53%
2014	239	18	7,53%
2015	239	20	8,36%
2016	239	14	5,58%
Trung bình		17,4	7,27%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Mức độ tội danh trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cao nhất là năm 2015 số tội danh xảy ra là 20 chiếm 8,36%; thấp nhất là năm 2016 số tội danh xảy ra là 14 chiếm 5,58%, so với mức độ tội danh xảy ra trên địa bàn tỉnh Tiền Giang là 12,5% là thấp. Mức độ tội danh xảy ra qua các năm tăng, giảm không theo quy luật nhưng chỉ giao động ở mức độ thấp.

- *Mức độ nhóm tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

+ Nhóm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bảng 2.4. Mức độ nhóm tội xâm phạm sở hữu của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Nhóm tội xâm phạm sở hữu		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	163	243	92	91	56,44%	37,44%
2013	167	235	82	117	49,10%	49,78%
2014	158	183	91	97	57,59%	53%
2015	162	118	97	73	59,87%	61,86%
2016	151	132	82	71	54,30%	53,17%
TB					55,49%	51,05%
Tổng	801	911	444	449		

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

+ Nhóm tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bảng 2.5. Mức độ nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Nhóm tội xâm phạm...con người		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	163	243	28	37	17,17%	15,22%
2013	167	235	36	40	21,55%	17,02%
2014	158	183	29	35	18,35%	19,12%
2015	162	118	27	28	16,66%	23,72%
2016	151	132	22	27	14,56%	20,45%
TB					17,65%	19,10%
Tổng	801	911	142	167		

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

+ Nhóm tội về xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bảng 2.6. Mức độ nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Nhóm tội xâm phạm...trật tự công cộng		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	163	243	33	36	20,24%	14,81%
2013	167	235	39	21	23,35%	8,93%
2014	158	183	29	21	18,35%	11,47%
2015	162	118	27	23	16,66%	19,49%
2016	151	132	26	26	17,21%	19,69%
TB					19,22%	14,87%
Tổng	801	911	154	117		

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

+ Nhóm tội về ma túy trên địa bàn quận huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bảng 2.7. Mức độ nhóm tội ma túy của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Nhóm tội về ma túy		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	163	243	4	11	2,45%	4,52%
2013	167	235	4	4	2,39%	1,70%
2014	158	183	6	4	3,79%	2,18%
2015	162	118	6	6	3,70%	5,08%
2016	151	132	18	27	11,92%	20,45%
TB					4,85%	6,78%
Tổng	801	911	38	52		

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Nhóm tội về ma túy số vụ trung bình chiếm 4,85% số tội phạm xảy ra, số người phạm tội trung bình chiếm 6,78%. Đặc biệt tăng cao trong năm 2016 xảy ra 18 vụ với 11,92%; số bị cáo 27 tỷ lệ 20,45% tăng gấp 4,5 lần so với năm 2012, các năm còn lại xảy ra ở mức thấp, nhóm tội phạm về ma túy có chiều hướng ngày càng gia tăng và có khả năng tăng cao ở các năm tiếp theo.

+ Nhóm tội về chức vụ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Không có vụ án nào về nhóm tội này được đưa ra xét xử trong 5 năm.

- *Mức độ hành vi (tội) của THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Trong thực trạng THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016, có những tội danh tần suất xảy ra nhiều bao gồm: Tội trộm cắp tài sản xảy ra 289 vụ; tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ xảy ra 116 vụ; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe cho người khác xảy ra 108 vụ.

Trong tổng số 801 vụ án xảy ra từ năm 2012 đến năm 2016, ba loại tội danh trên có 513 vụ chiếm 64,04%. Có 911 bị cáo trong tổng số, ba loại tội danh trên có 563 bị cáo chiếm 61,8%, chiếm tỷ trọng cao trong tổng số vụ án xảy ra và người phạm tội.

Bảng 2.8. Mức độ tội danh xảy ra nhiều nhất của THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Tổng		Tội trộm cắp tài sản		Tội cố ý gây... của người khác		Tội vi phạm ... đường bộ	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2012	163	243	63	47	24	28	28	24
2013	167	235	39	73	25	30	20	18
2014	158	183	68	76	23	28	20	17
2015	162	118	55	38	20	21	23	21
2016	151	132	64	45	16	19	25	23
Tổng	801	911	289	279	108	126	116	103
Tỷ lệ	100%	100%	36%	30,6%	13,5%	13,83%	14,5%	11,3%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Khái quát về thực trạng THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian từ 2012 đến 2016.

Về mức độ tổng quan: Số vụ phạm tội xảy ra ít hơn so với mức trung bình của tỉnh Tiền Giang nhưng nhiều hơn một số địa bàn tương đương khác; cơ số hành vi thấp hơn so với trung bình; tỷ lệ số tội danh xảy ra trên thực tế so với số tội danh bộ luật hình sự quy định nhỏ.

Về mức độ nhóm: Tội phạm xảy ra nhiều ở nhóm tội xâm phạm sở hữu với 444 vụ, 449 bị cáo; nhóm tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người xảy ra 142 vụ, 167 bị cáo; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng,

trật tự công cộng xảy ra 154 vụ, 117 bị cáo; nhóm tội về ma túy xảy ra 38 vụ, 52 bị cáo và có xu hướng ngày càng tăng, đặc biệt nhóm tội về chức vụ thực trạng tội phạm rõ trong 5 năm không ghi nhận.

Về mức độ tội cụ thể xảy ra nhiều ở các tội trộm cắp tài sản 289 vụ, 279 bị cáo; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác 108 vụ, 126 bị cáo; tội vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ 116 vụ, 103 bị cáo.

Những đặc điểm về thực trạng phản ánh đúng đặc điểm kinh tế - xã hội huyện Cái Bè và đặc điểm chung của THTP trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

Các tội về xâm phạm sở hữu xảy ra nhiều vì đây là địa bàn thương mại dịch vụ, tập trung nhiều nhà máy xay xát lúa, vừa gạo, vừa trái cây, khu chợ, tài sản tập trung nhiều, nhiều người về đây làm ăn buôn bán mang theo tiền, tài sản. Và là địa bàn kết nối các thành phố, thị xã, huyện địa bàn giáp ranh như: thành phố Vĩnh Long, thành phố Se Đéc, thị xã Cai Lậy, huyện Cao Lãnh, huyện Tháp Mười, huyện Tân Thạnh, Huyện Long Hồ, huyện Cai Lậy và cũng là con đường trung chuyển hàng hóa về các tỉnh về các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Cái Bè là huyện vùng ven ở phía tây của tỉnh Tiền Giang, một số khu vực của huyện còn nhiều xã là xã vùng sâu, trình độ dân trí còn thấp nên các tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người còn xảy ra nhiều so với các địa bàn tương đương.

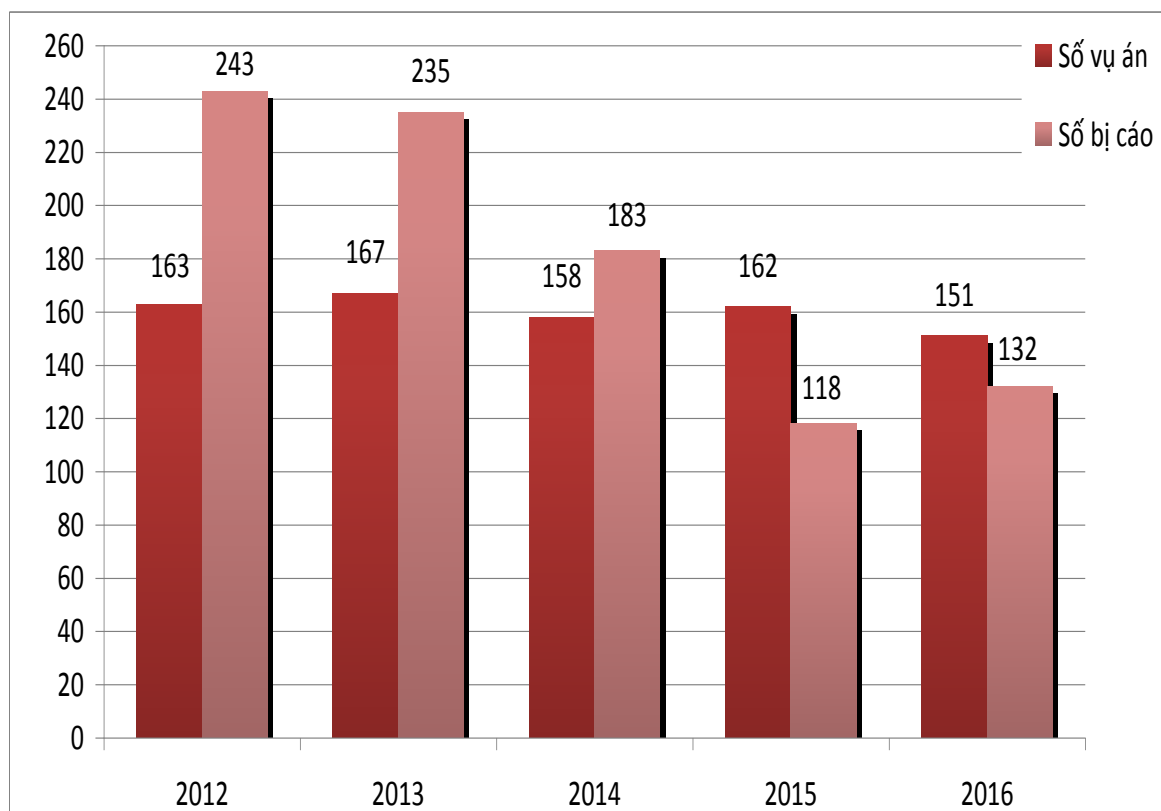
Tội phạm về giao thông xảy ra nhiều vì đây là địa bàn có tuyến quốc lộ 1 chạy dài từ Đông sang Tây với chiều dài 22 km, 05 tuyến đường tỉnh lộ kết nối với các huyện địa bàn giáp ranh, hệ thống đường giao thông nông thôn chằng chịt rộng khắp địa bàn huyện.

Tội phạm về chức vụ không được phát hiện xử lý đó là đặc điểm chung của THTP trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và cả nước.

2.1.2. Diễn biến của tình hình tội phạm rõ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Diễn biến của THTP ta đang đề cập là diễn biến về thực trạng của THTP, diễn biến về cơ cấu ta sẽ đề cập tại phần cơ cấu.

Bảng 2.9. Diễn biến về số vụ và người phạm tội của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016



(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Nhìn chung THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian từ 2012 đến 2016 tăng, giảm không theo quy luật nhưng giao động ở mức độ thấp và có xu hướng ngày càng giảm về cả số vụ 163 vụ năm 2012 và 151 vụ năm 2016, mức giảm trung bình hàng năm là 1,7%, và số người phạm tội 243 bị cáo năm 2012 và 132 bị cáo năm 2016, mức giảm trung bình hàng năm là 25%. Như vậy THTP trên địa bàn huyện Cái Bè có xu hướng ngày càng giảm.

Về nhóm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cao nhất là năm 2015 xảy ra 97 vụ chiếm 59,87%, thấp nhất là năm 2013 và năm 2016 xảy ra 82 vụ chiếm tỷ lệ khác nhau 49,10% và 54,30%. Nhưng số bị cáo đưa ra xét xử cao nhất là năm 2013 với 117 bị cáo chiếm 49,78%, thấp nhất là năm 2016 với 71 bị cáo chiếm 53,17%, so với tổng số bị cáo đưa ra xét xử từ năm 2012 đến năm 2016 thì năm 2015 đưa ra xét xử 73 bị cáo chiếm tỷ lệ 61,86% là cao nhất so với các năm còn lại. Số vụ và số người phạm tội tăng, giảm với mức độ thấp, không

theo quy luật, riêng số người phạm tội có xu hướng giảm, năm 2012 là 91 bị cáo, năm 2016 là 71 bị cáo. Nhìn chung nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu chiếm tỷ lệ cao so với tổng số tội phạm xảy ra trên địa bàn trung bình số vụ là 55,49%, số người phạm tội là 56%.

Nhóm tội về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cao nhất là năm 2013 xảy ra 39 vụ chiếm 23,35%, thấp nhất là năm 2016 xảy ra 26 vụ chiếm 17,21%. Số bị cáo đưa ra xét xử cao nhất là năm 2012 với 36 bị cáo chiếm 14,81%, thấp nhất là năm 2013, năm 2014 với 21 bị cáo chiếm tỷ lệ khác nhau 8,93% và 11,74%, so với tổng số bị cáo đưa ra xét xử từ năm 2012 đến năm 2016 thì năm 2016 đưa ra xét xử 26 bị cáo nhưng chiếm tỷ lệ 19,69% là cao nhất so với các năm còn lại. Số vụ và số bị cáo tăng, giảm với mức độ thấp, không theo quy luật, xu hướng chung về số vụ, số người phạm tội giảm, năm 2012 là 33 vụ 36 bị cáo, năm 2016 là 26 vụ, 26 bị cáo, trung bình số vụ là 19,22%, số người phạm tội là 14,87%.

Nhóm tội phạm về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người diễn biến phức tạp, cao nhất là năm 2013 xảy ra 36 vụ chiếm 21,55%, năm thấp nhất là năm 2016 xảy ra 22 vụ chiếm 14,56%, số bị cáo đưa ra xét xử cao nhất là năm 2013 với 40 bị cáo chiếm 17,02%, thấp nhất là năm 2016 với 27 bị cáo chiếm 20,45%. Số vụ và số người phạm tội tăng, giảm không theo quy luật nhưng ở mức độ thấp, xu hướng chung cả số vụ và số người phạm tội là giảm. Tội phạm xảy ra trên địa bàn trung bình số vụ là 17,65%, số người phạm tội là 19,10%.

Nhóm tội ma túy có xu hướng tăng cả về số vụ, 04 vụ năm 2012 và 18 vụ năm 2016, mức tăng trung bình hàng năm khoảng 80%; số người phạm tội 11 bị cáo năm 2012 và 27 bị cáo năm 2016, mức tăng trung bình hàng năm là 28%, đặc biệt có sự tăng mạnh trong năm 2016, 4,5 lần về số vụ, 2,5 lần về số người phạm tội, các năm còn lại chỉ ở mức độ thấp. Đây đồng thời là diễn biến của tội “tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” vì trong khoảng thời gian khảo sát nhóm tội về ma túy chỉ xảy ra loại hành vi này.

Về tội phạm cụ thể:

Tội trộm cắp tài sản ở mức cao so với các địa bàn đương, tăng, giảm không theo quy luật ở mức độ thấp số vụ, 63 vụ năm 2012, 64 vụ năm 2016, số người phạm tội, 47 bị cáo năm 2012, 45 bị cáo năm 2016. Năm 2013, tuy số vụ xảy ra ít nhất so với các năm còn lại nhưng số người phạm tội cao 73 bị cáo, đặc biệt trong năm 2014 số vụ, số người phạm tội cao nhất 68 vụ, 76 bị cáo.

Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ ở mức cao so với địa bàn tương, tăng, giảm không theo quy luật cả về số vụ và số người phạm tội, nhưng ở mức độ thấp, 28 vụ, 24 bị cáo năm 2012 và 25 vụ, 23 bị cáo năm 2016.

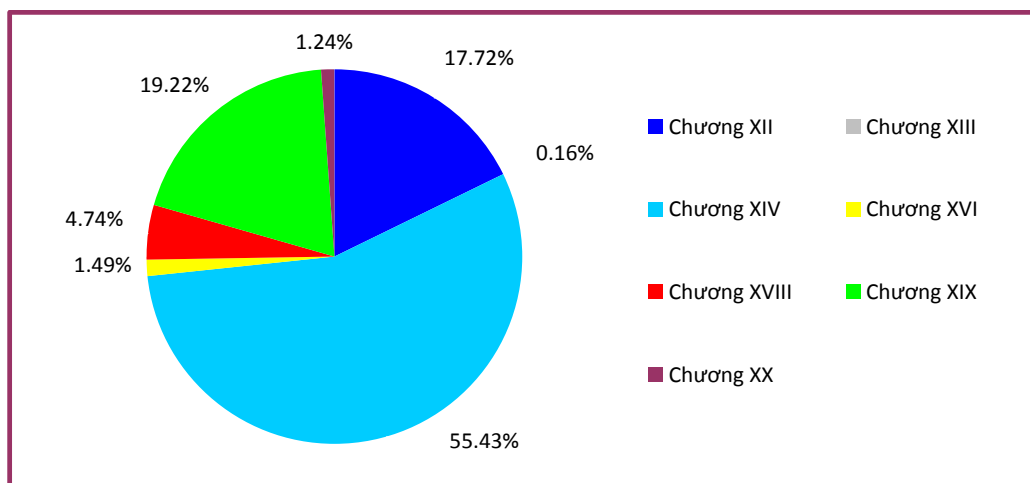
Tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác ở mức độ cao so với địa bàn tương đương, có xu hướng ngày càng giảm về số vụ, 24 vụ năm 2012 và 16 vụ năm 2016; số người phạm tội, 28 bị cáo năm 2012 và 19 bị cáo năm 2016.

2.1.3. Cơ cấu của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

- Cơ cấu của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo tên chương của phần các tội phạm cụ thể theo Bộ luật hình sự

Đây là loại cơ cấu cho ta cái nhìn tổng quan về THTP rõ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bảng 2.10. Diễn biến của THTP theo chương của phần các tội phạm cụ thể theo Bộ luật hình sự trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016



(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Theo cơ cấu của Bộ luật hình sự, phần các tội phạm cụ thể được chia thành 14 chương, trừ chương XXIII, các tội xâm phạm về trách nhiệm nghĩa vụ của quân nhân, đây là những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự, không thuộc phạm vi khảo sát của đề tài, còn lại 13 chương.

THTP trên địa bàn quận huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 xảy ra các loại tội phạm tại 7 chương với tổng cộng 801 vụ, với 911 bị cáo. Cụ thể như sau:

Chương XII, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người xảy ra 142 vụ chiếm 17,72%, 167 bị cáo chiếm 18,33%. Tăng, giảm hàng năm không có quy luật.

Chương XIII, các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân xảy ra 01 vụ chiếm 0,16%.

Chương XIV, các tội xâm phạm sở hữu xảy ra 444 vụ chiếm 55,43%, 449 bị cáo chiếm 49,28%. Tăng, giảm hàng năm không có quy luật, số bị cáo hàng năm giảm. Trong đó tội trộm cắp tài sản xảy ra nhiều nhất, các tội khác có xảy ra nhưng ở mức độ thấp, có những tội danh không xảy ra.

Chương XVI, các tội xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế xảy ra 12 vụ chiếm 1,49%, 13 bị cáo chiếm 1,4%. Không tăng, không giảm.

Chương XVIII, các tội phạm về ma túy xảy ra 38 vụ chiếm 4,74%, 52 bị cáo chiếm 5,7% có xu hướng tăng mạnh, về số vụ hàng năm tăng 80%/năm, bị cáo hàng năm tăng 28%/năm, chủ yếu xảy ra tại tội danh tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

Chương XIX, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng xảy ra 154 vụ chiếm 19,22%, 117 bị cáo chiếm 12,84%, tăng giảm không có quy luật. Trong đó tội danh xảy ra nhiều nhất là tội vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ 116 vụ, các tội danh khác có xảy ra nhưng ở mức độ thấp.

Chương XX, các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính xảy ra 10 vụ chiếm 1,24%, 09 bị cáo chiếm 0,98%, tăng giảm không có quy luật. Xảy ra tại 2 tội danh: tội chống người thi hành công vụ; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, các tội danh khác không xảy ra.

Chương XXI, các tội phạm về chức vụ, là những tội phạm đang được dư luận xã hội quan tâm nhất hiện nay, trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 không xảy ra.

- *Cơ cấu của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo tội danh cụ thể được quy định theo Bộ luật hình sự*

Bảng 2.11. Cơ cấu theo tội danh cụ thể của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Tội danh	Số vụ án						Tỷ lệ %
	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng	
Tội vô ý làm chết người	0	1	0	0	0	1	0,12%
Tội cố ý gây... của người khác	24	25	23	20	16	108	13,48%
Tội hiếp dâm	0	1	0	3	5	9	1,12%
Tội giao cấu với trẻ em	4	9	4	3	1	21	2,62%
Tội dâm ô với trẻ em	0	0	2	1	0	3	0,37%
Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật	0	0	0	1	0	1	0,12%
Tội cướp tài sản	9	7	4	8	2	30	3,74%
Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản	0	0	1	0	0	1	0,12%
Tội cưỡng đoạt tài sản	6	8	5	7	0	26	3,24%
Tội cướp giết tài sản	5	14	5	13	5	42	5,24%
Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản	1	4	0	1	0	6	0,74%
Tội trộm cắp tài sản	63	39	68	55	64	289	36,07%
Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	2	3	2	3	4	14	1,74%
Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	0	0	2	2	3	7	0,87%
Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	6	7	4	8	4	29	3,62%
Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	2	3	2	2	2	11	1,37%
Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai	0	0	1	0	0	1	0,12%
Tội tàng trữ, vận chuyển... chất ma túy	4	4	6	6	18	38	4,74%
Tội vi phạm quy định... giao thông đường bộ	28	20	20	23	25	116	14,48%
Tội giao cho người không... giao thông đường bộ	0	0	0	1	0	1	0,12%
Tội tàng trữ, mua bán vũ khí quân dụng	0	0	0	1	0	1	0,12%
Tội đánh bạc	3	13	4	0	1	21	2,62%

Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	2	4	1	0	0	7	0,87%
Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	0	0	4	2	0	6	0,74%
Tội chứa mại dâm	0	2	0	0	0	2	0,24%
Tội chống người thi hành công vụ	2	3	0	2	1	9	1,12%
Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức	1	0	0	0	0	1	0,12%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Theo cơ cấu này, các tội chiếm tỷ trọng xảy ra nhiều nhất gồm: Tội trộm cắp tài sản chiếm 36,07%; tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ chiếm 14,48%; tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại sức khỏe cho người khác chiếm 13,48%; tội cướp giật tài sản chiếm 5,24%; tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy chiếm 4,47%; các tội danh khác xảy ra nhưng ở mức độ thấp.

- *Cơ cấu của THTP theo hình thức phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Tỷ trọng giữa người phạm tội và vụ phạm tội của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè từ năm 2012 đến năm 2016 là 0,78%. Trong đó phạm tội theo hình thức đồng phạm là 274 vụ chiếm 34,2%, còn lại 527 vụ chiếm 65,8% là phạm tội đơn lẻ. Trong 274 vụ có đồng phạm chỉ ghi nhận 7 vụ thuộc hình thức phạm tội có tổ chức chiếm 0,87%.

- *Cơ cấu của THTP theo địa bàn phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Cái Bè là huyện vùng ven nằm ở phía tây của tỉnh Tiền Giang, được chia làm 24 xã, 01 thị trấn với diện tích và dân số không đồng đều, trình độ phát triển cũng có sự chênh lệch nhau.

Bảng 2.12. Cơ cấu theo địa bàn phạm tội của THTP huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Xã, thị trấn	Số vụ	Tỷ lệ	Xã, thị trấn	Số vụ	Tỷ lệ
Thị trấn Cái Bè	74	9,23%	Xã Mỹ Đức Đông	34	4,24%%
Xã An Cư	100	12,48%	Xã Mỹ Đức Tây	31	3,87%
Xã Đông Hoà Hiệp	72	8,98%	Xã An Thái Đông	47	5,86%

Xã Mỹ Hội	52	6,49%	Xã Mỹ Lợi A	26	3,24%
Xã Hậu Thành	66	8,23%	Xã Mỹ Lợi B	27	3,37%
Xã Hòa Khánh	73	9,11%	Xã An Thái Trung	100	12,48%
Xã Hậu Mỹ Phú	25	3,12%	Xã An Hữu	78	9,73,3%
Xã Hậu Mỹ Trinh	25	3,12%	Xã Hòa Hưng	63	7,86%
Xã Hậu Mỹ Bắc A	50	6,24%	Xã Tân Thanh	20	2,49%
Xã Hậu Mỹ Bắc B	34	4,24%	Xã Tân Hưng	32	3,99%
Xã Mỹ Trung	18	2,24%	Xã Mỹ Lương	31	3,87%
Xã Thiện Trung	21	2,62%	Xã Mỹ Tân	25	3,12%
Xã Thiện Trí	50	6,24%			

(Nguồn: Thống kê của Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [10]

Số vụ phạm tội xảy ra phân bố tương đối đồng đều trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Các địa bàn xảy ra nhiều như: xã An Cư, xã An Thái Trung mỗi địa bàn xảy ra 100 vụ chiếm 12,48%; xã An Hữu xảy ra 78 vụ chiếm 9,73%; thị trấn Cái Bè 74 vụ chiếm 9,23%; Hòa Khánh 73 vụ chiếm 9,11%; Đông Hòa Hiệp xảy ra 72 vụ chiếm 8,98%; các xã còn lại xảy ra nhưng ở mức độ trung bình, trong đó xã xảy ra ít nhất là xã Mỹ Trung 18 vụ chiếm 2,24%; xã Tân Thanh xảy ra 20 vụ chiếm 2,49%. Các địa bàn xảy ra nhiều là do có điều kiện phát triển về kinh tế, tập trung nhiều cụm công nghiệp, nhiều vựa trái cây, số lượng dân nhập cư nhiều, cũng là địa bàn giáp ranh với các tỉnh giáp ranh như tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Đây cũng là các địa bàn phức tạp nhất về ANTT, đặc biệt là địa bàn xã An Cư, xã An Thái Trung. Tội danh xảy ra nhiều nhất là tội trộm cắp tài sản với 43 vụ chiếm 5,36%.

- Cơ cấu của THTP theo loại hình phạt áp dụng cho người phạm tội

Bảng 2.13. Cơ cấu theo loại hình phạt áp dụng của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Tên hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ
Trục xuất	0	0%
Cảnh cáo	22	2,42%
Phạt tiền (hình phạt chính)	35	3,85%
Cải tạo không giam giữ	0	0%
Ấn treo	167	18,33%

Tù từ 3 năm trở xuống	398	43,70%
Tù từ trên 3 năm đến 7 năm	222	24,35%
Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	66	7,25%
Tù từ trên 15 năm	1	0,1%
Tù chung thân	0	0%
Tử hình	0	0%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Cơ cấu hình phạt áp dụng trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 được áp dụng hình phạt như: cảnh cáo, phạt tiền, tù có thời hạn đến 15 năm được áp dụng nhiều nhất, các hình phạt như: trục xuất, cải tạo không giam giữ, tù chung thân, tử hình không áp dụng.

- *Cơ cấu của THTP theo loại biện pháp ngăn chặn áp dụng cho người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Bảng 2.14. Cơ cấu theo loại biện pháp ngăn chặn áp dụng của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Biện pháp ngăn chặn	Số bị cáo	Tỷ lệ
Tạm giữ	612	67,17%
Tạm giam	733	80,47%
Bảo lãnh	67	7,36%
Cấm đi khỏi nơi cư trú	110	12,07%
Đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm	1	0,1%

(Nguồn: Thống kê của Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [10]

Như vậy khi phát hiện tội phạm, người tình nghi thực hiện tội phạm bị áp dụng biện pháp tạm giữ hình sự để điều tra là 612 trường hợp chiếm 67,17%. Khi khởi tố bị can, có đến 80,47% bị can bị tạm giam; biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cũng được áp dụng với 110 trường hợp chiếm 12,07%; các biện pháp ngăn chặn khác cũng được áp dụng nhưng với tỷ lệ thấp. Đây cũng là tình trạng chung của các huyện, thị xã, thành phố khác tại tỉnh Tiền Giang.

- *Cơ cấu theo hình thức lỗi của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 thực hiện với hình thức lỗi cố ý 801 trường hợp chiếm 87,92%, thực hiện với hình thức lỗi vô ý 110 trường hợp chiếm 12,08%.

- Cơ cấu theo động cơ của người phạm tội trên địa bàn Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Xem xét trên cơ cấu tội phạm cụ thể phần lớn những tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 đều liên quan đến chiếm đoạt tài sản hoặc vì mục đích vụ lợi có tới 653 người phạm tội vì mục đích vụ lợi chiếm 71,67%; có 258 người phạm tội vì động cơ, mục đích khác chiếm 28,33 % như thỏa mãn sinh lý, thể hiện cá nhân, trả thù...

Phần lớn những tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 có động cơ, mục đích vụ lợi đều vì để thỏa mãn nhu cầu thoái hóa cá nhân. Nhu cầu mà xã hội không cho phép hoặc bản thân không có điều kiện thực hiện một cách hợp pháp để thỏa mãn nhu cầu.

- Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân của người phạm tội là một hệ thống các cơ cấu theo các đặc điểm nhân thân có ý nghĩa cho nghiên cứu.

+ Cơ cấu theo giới tính trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Theo số liệu thống kê, trong 911 người phạm tội có 674 người có giới tính là nam chiếm 73,98%; có 237 người giới tính là nữ chiếm 26,02%. Chỉ số giới tính nữ phạm tội cao hơn địa bàn tương đương như huyện Cai Lậy là 19,32%, cao hơn mức trung bình của tỉnh Tiền Giang là 17,25%. Điều đáng lo ngại là tỷ lệ này ngày càng cao, năm 2012 có chiếm 23,05%, năm 2016 chiếm tới 32,58%, có nhiều nữ tham gia vào các tội mà trước đây thường là nam giới thực hiện như cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Trước đây nữ thường là người phạm các tội đánh bạc, lạm dụng tín nhiệm, lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Cơ cấu theo độ tuổi trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bảng 2.15. Cơ cấu theo độ tuổi người phạm tội của THPT huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	14 đến dưới 16 tuổi		16 đến dưới 18 tuổi		18 đến dưới 30 tuổi		30 đến dưới 45 tuổi		Trên 45 tuổi	
	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ	Bị cáo	Tỷ lệ
2012	7	2,88%	28	11,52%	156	64,19%	37	15,23%	15	6,18%
2013	6	2,56%	21	8,94%	167	71,06%	22	9,36%	19	8,08%
2014	4	2,18%	13	7,1%	133	72,68%	19	10,38%	14	7,66%
2015	1	0,85%	7	5,94%	87	73,72%	16	13,55%	7	5,94%
2016	2	1,51%	4	3,03%	86	65,15%	28	21,21%	12	9,1%
Tổng	20		73		629		122		67	
TB		1,99%		7,3%		70,36%		13,94%		7,39%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Theo số liệu thống kê, tội phạm hầu hết được thực hiện là người thành niên, đang trong độ tuổi lao động, trong đó người có độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi cao nhất là 629 người chiếm 70,36%, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thấp nhất 20 người chiếm 1,99%. Những người trong độ tuổi còn lại chiếm tỷ lệ không cao. Nhìn chung người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có xu hướng ngày càng giảm.

+ Cơ cấu theo trình độ học vấn trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bảng 2.16. Cơ cấu theo trình độ học vấn của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn					
		Không biết chữ	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	TH chuyên nghiệp, cao đẳng	Đại học, trên đại học
2012	243	37	30	113	51	12	0
2013	235	26	27	114	54	14	0
2014	183	17	21	87	49	9	0

2015	118	7	17	64	20	10	0
2016	132	6	14	72	27	13	0
Tổng	911	93	109	450	201	58	0
Tỷ lệ	100%	10,20%	11,97%	49,4%	22,06%	6,37%	0%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Theo số liệu thống kê trình độ học vấn của những người thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ 2012 đến năm 2016, nhìn chung có trình độ học vấn thấp. Trong đó trình độ cấp 2 cao nhất 450 người chiếm 49,4%, đại học và trên đại học không có trường hợp nào xảy ra, không biết chữ là 93 người chiếm 10,20%, trình độ cấp 1 là 109 người chiếm 11,97%. Do đây là khu vực nông thôn, người dân không có điều kiện học hành, nên trình độ học vấn còn thấp. Do vậy nâng cao trình độ học vấn để có nhận thức về các quy chuẩn, giá trị, khả năng tìm kiếm việc làm tốt hơn là giải pháp quan trọng.

+ *Cơ cấu theo đặc điểm nghề nghiệp, không có nghề nghiệp trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Bảng 2.17. Cơ cấu theo đặc điểm có nghề nghiệp và không có nghề nghiệp của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số bị cáo	Nghề nghiệp		
		Ổn định	Không ổn định	Không
2012	243	34	66	143
2013	235	22	76	137
2014	183	27	49	107
2015	118	8	34	76
2016	132	11	35	86
Tổng	911	102	260	549
Tỷ lệ	100%	11,20%	28,54%	60,26%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang)
[29]

Có 102 người phạm tội có nghề nghiệp ổn định chiếm 11,20%; 260 người có nghề nghiệp nhưng không ổn định chiếm 28,54%; 549 người không có nghề nghiệp chiếm 60,26% là cao nhất. Những người phạm tội không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, nên không tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình. Điều này phản ánh đúng THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016. Qua khảo sát hầu hết là tội phạm chiếm đoạt tài sản hoặc vì mục đích vụ lợi. Các tội khác chiếm tỷ lệ thấp.

+ *Cơ cấu theo đặc điểm tiền án tiền sự; tái phạm; tái phạm nguy hiểm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*

Bảng 2.18. Cơ cấu theo đặc điểm tái phạm; tiền án, tiền sự của người phạm tội trên địa bàn huyện Cái Bè từ năm 2012 đến năm 2016

	Số bị cáo	Tỷ lệ
Chưa có tiền án, tiền sự	223	24,47%
Có tiền án, tiền sự	587	64,44%
Tái phạm	53	5,82%
Tái phạm nguy hiểm	48	5,27%

(Nguồn: Thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [29]

Người phạm tội đã có tiền án, tiền sự 587 người chiếm 64,44% là cao nhất; người chưa có tiền án, tiền sự 223 người chiếm 24,47% cao thứ hai; những người tái phạm và tái phạm nguy hiểm chiếm tỷ lệ không cao chiếm 11,09%. Như vậy công tác quản lý xã hội, giáo dục, tạo điều kiện việc làm, hòa nhập cuộc sống của những người đã có tiền án, tiền sự rất được chính quyền quan tâm và thực hiện tương đối tốt.

2.1.4. Tính chất của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Tính chất của THTP là những đặc điểm cơ bản về chất của THTP trên một địa bàn trong một khoảng thời gian nhất định. Nó là những đặc điểm thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cũng như những đặc điểm mà sự tăng lên của nó làm gia tăng tính nguy hiểm cho xã hội. Là những đặc điểm về chất nên phải được rút ra trên cơ sở các đặc điểm về lượng hay nói cách khác tính chất của THTP chỉ có thể có được

thông qua nhận thức về thực trạng, diễn biến (diễn biến của thực trạng và diễn biến về cơ cấu), cơ cấu của THTP.

Tính chất của THTP rõ trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang là những đặc điểm về chất thông qua nhận thức về thực trạng, diễn biến, cơ cấu của THTP đó. Đó là những đặc điểm thể hiện tính chất chung của THTP cả nước, của tỉnh Tiền Giang và những đặc điểm riêng có của THTP huyện Cái Bè.

THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 diễn biến tương đối phức tạp, tăng giảm không theo quy luật, nhưng xu hướng chung là giảm cả về số vụ và số người phạm tội, cơ số tội phạm thấp hơn so với trung bình. Trong tổng số vụ phạm tội xảy ra tỷ lệ các vụ có động cơ, mục đích vụ lợi chiếm tỷ trọng cao và còn diễn biến phức tạp.

Người phạm tội đang trong độ tuổi lao động, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định chiếm tỷ trọng cao. Người thực hiện hành vi phạm tội là chiếm tỷ lệ cao hơn mức trung bình. Người phạm tội có xu hướng càng câu kết chặt chẽ, liều lĩnh, manh động, thực hiện nhiều vụ phạm tội có tính chất rất nghiêm trọng, thủ đoạn che giấu tinh vi, khó phát hiện.

Diễn hình như vụ Nguyễn Quốc Phi, sinh năm 1992, ngụ ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cùng đồng phạm cướp giật tài sản. Tại bản án số 45/2016/HSST ngày 02/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè với nội dung:

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 24/11/2015 chị Phạm Thị Mèo (1971), ngụ: ấp Phú Hòa, xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đến ngân hàng Sacombank tọa lạc ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang để giao dịch. Sau đó điều khiển xe mô tô lưu thông trên tuyến QL1 hướng Trung Lương - Mỹ Thuận, đến khu vực Bà Đắc thuộc ấp An Thái, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị Nguyễn Quốc Phi điều khiển xe mô tô gắn biển số 60M7 – 6564 lưu thông cùng chiều ép sát phía trong bên phải dùng tay trái giật túi sách của chị Mèo rồi tăng ga bỏ chạy tẩu thoát về hướng Mỹ Thuận, chị Mèo truy hô lên, lực lượng Công an đang tuần tra phát hiện đuổi theo đến tiệm cửa sắt của anh Lê Chí Dũng thuộc ấp An Bình, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bắt giữ Phi cùng tang vật là túi sách trong đó có số tiền là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), phương tiện gây án trên.

Qua điều tra mở rộng Phi khai nhận ngoài vụ cướp giật tài sản bị bắt quả tang trên, từ 13/6/2015 đến ngày 24/11/2015 Phi cùng Lương Đức Anh, sinh năm 1990, ngụ ấp Lợi Nhơn, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thực hiện 14 vụ

cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Cái Bè, 02 vụ trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, 02 vụ trên địa bàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Tổng tài sản thiệt hại trong các vụ cướp giật tài sản khoảng 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). [30]

Với những đặc điểm riêng có của điều kiện kinh tế - xã hội, tính chất của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 cũng có những đặc điểm riêng.

Cái Bè là huyện nằm ở phía tây của tỉnh Tiền Giang, là cửa ngõ của vùng Đồng Tháp Mười, nơi có điều kiện kết nối các tỉnh địa bàn giáp giáp ranh trong khu vực, tập trung nhiều hàng hóa thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi nên có nhiều thương nhân đến làm ăn, sinh sống mang theo nhiều tài sản nên các tội chiếm đoạt tài sản chiếm tỷ lệ cao. Hệ thống giao thông phát triển có tuyến quốc lộ 1 nối dài từ Đông sang Tây và các tuyến đường tỉnh lộ nối liền các thành phố, thị xã, huyện giáp ranh, các tuyến đường giao thông nông thôn dày đặc nên tội phạm về giao thông còn xảy ra nhiều chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên địa bàn còn nhiều khu vực nông thôn đang trên đà phát triển trình độ dân trí của người dân còn thấp nên các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe xảy ra nhiều và chiếm tỷ lệ cao so với mức trung bình.

2.2. Đặc điểm về phần ẩn của tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Tội phạm ẩn hay THTP ẩn là tất yếu và THTP ẩn trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không nằm ngoài sự tất yếu đó. THTP ẩn trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có đầy đủ các loại tội phạm ẩn cũng như nguyên nhân tội phạm ẩn theo lý luận tội phạm ẩn đã phân tích.

Theo số liệu thống kê của Công an huyện Cái Bè, Công an tỉnh Tiền Giang, hàng năm số lượng vụ án đã khởi tố phải tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra với số lượng tương đối cao. Các vụ án được tạm đình chỉ với lý do đã hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can, đình chỉ với lý do đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can phạm tội; người đã yêu cầu khởi tố rút đơn yêu cầu trước ngày mở phiên tòa; không xác định được người bị hại. Trên thực tế đó là các vụ phạm tội.

Bảng 2.19. Tỷ lệ vụ án khởi tố và vụ án xét xử của THTP trên địa huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số vụ án đã khởi tố	Số vụ án tạm đình chỉ	Số vụ án đình chỉ	Số vụ án đưa ra xét xử
2012	207	36	8	163
2013	205	33	5	176
2014	187	24	5	158
2015	192	26	4	162
2016	185	30	4	151
Tổng	976	149	26	801
Trung bình	100%	15,26%	2,66%	82,08%

(Nguồn: Thống kê của Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang) [10]

Qua số liệu thống kê tỷ lệ vụ án đưa ra xét xử đạt 82,08% so với vụ án khởi tố. Đa số các vụ án tạm đình chỉ, đình chỉ với lý do không chứng minh được tội phạm mặc dù tội phạm đã xảy ra trên thực tế. Trong đó phần lớn là các vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản. Tỷ lệ phục hồi điều tra rất ít. Chưa kể là do áp lực thành tích mà cơ điều tra không khởi tố, mặc dù nhiều vụ có dấu hiệu của tội phạm.

Qua công tác thực tiễn tại địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhận thấy có những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến công tác điều tra:

Về chủ quan:

Thứ nhất: Trình độ năng lực của điều tra viên, cán bộ làm nhiệm vụ điều tra chưa đáp ứng yêu cầu về mặt nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm đối với công việc chưa cao, chưa thật sự tâm huyết đối với nghề.

Thứ hai: Biên chế lực lượng điều tra viên, cán bộ điều tra, trinh sát còn thiếu trong khi trong khi tội phạm xảy ra nhiều, địa bàn rộng, lại là địa bàn giáp ranh với nhiều tỉnh giáp ranh. Tổng số điều tra viên, cán bộ điều tra, trinh sát khối cơ quan điều tra của huyện Cái Bè là 50 biên chế, nhưng dàn trải ở các lĩnh vực hình sự, kinh tế, ma túy cụ thể: Đội CSĐTTP về TTXH (CSHS) là 20 biên chế trong đó gồm 6 điều tra viên, 01 cán bộ điều tra, 13 trinh sát; Đội Điều tra tổng hợp 16 biên chế, trong đó gồm 04 điều tra viên, 12 cán bộ điều tra; Đội CSĐTTP về ma túy gồm 7 biên chế trong đó 02 điều tra viên, 05 trinh sát; Đội CSĐTTP về TTQLKT và chức vụ 8 biên chế trong đó gồm 03 điều tra viên, 05 trinh sát. Nhưng số lượng người làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ít hơn so với thực tế do còn phải thực hiện công tác chuyên môn khác của đơn vị và học tập nâng cao trình độ.

Thứ ba: Cơ chế hoạt động của khối cơ quan điều tra chưa thật sự thúc đẩy, tạo động lực cho lực lượng làm công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm phấn đấu, làm việc đạt hiệu quả cao. Những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao được phân công thụ lý điều tra rất nhiều vụ án khó khăn, phức tạp, những người có trình độ chuyên môn thấp ít phân công hoặc không dám phân công sợ bị trách nhiệm liên đới, nhưng khi nhận xét đánh giá cuối năm lại như nhau, có khi lại được nhận xét tốt hơn và quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo, chỉ huy trước những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

Thứ tư: Quy trình tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của Công an cơ sở chưa kịp thời đến cơ quan điều tra, có khi vì thành tích mà không báo cơ quan điều tra tiếp nhận giải quyết nhất là các vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản làm thời cơ phá án hoặc không biết thông tin về tội phạm. Ngoài ra có nhiều vụ án sau khi cơ quan điều tra tiếp nhận tin báo tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được người tình nghi thực hiện tội phạm, do áp lực thành tích của đơn vị nên xếp hồ sơ mà không tiến hành khởi tố, điều tra theo quy trình.

Thứ năm: Sự phối hợp giữa các cơ tiến hành tố tụng chưa thật sự chặt chẽ, còn bỏ lọt tội phạm nhất là trong giai đoạn điều tra, do có nhiều vụ án xảy ra trong một thời gian cơ quan điều tra mới phát hiện điều tra làm rõ, không thu được tang vật vụ án, không có chứng cứ khác để chứng minh chỉ có lời khai của đối tượng bị tình nghi thực hiện tội phạm, bị hại nên viện kiểm sát không dám phê chuẩn sự xảy ra oan, sai.

Về khách quan:

Thứ nhất: Người thực hiện hành vi phạm tội có tính câu kết ngày càng chặt chẽ, chỉ trong một nhóm người cụ thể, hoặc có khi đơn lẻ một mình nên khó tiếp cận nắm thông tin, có khi thực hiện nhiều vụ phạm tội nhưng không bị phát hiện và xử lý.

Thứ hai: Thủ đoạn che dấu ngày càng tinh, phương thức thực hiện tội phạm liêu lĩnh, manh động, ít để lại dấu vết, có khi không để lại dấu vết, hoạt động lưu động trên địa bàn rộng có khả năng liên huyện, liên tỉnh, khi bị phát hiện tìm cách đối phó như im lặng, không khai báo, khai báo không đúng chỗ cho đồng phạm...diễn ra rất phổ biến, rất khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm, có khi không đủ căn cứ chứng minh người thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba: Cơ sở, vật chất, trang thiết bị kỹ thuật còn thiếu, chưa trang cấp kịp thời, các thiết bị hiện đại chưa được trang bị chưa đáp ứng được công tác đấu tranh

phòng, chống tội phạm. Trong khi tội phạm ngày càng có xu hướng sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi phạm tội, nhất là các vụ lừa đảo qua mạng Internet, Zalo, Facebook...nhưng chưa phát hiện, điều tra, xử lý.

Thứ tư: Chưa có cơ chế thu hút, động viên được đông đảo các cơ quan, đoàn thể, quần chúng nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong thời gian qua, tình trạng tham nhũng theo đánh giá của Đảng và nhà nước là đang diễn biến phức tạp, tham nhũng với khối tài sản lớn như các vụ án tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn bị phát hiện trong thời gian qua cho đến những vụ tham nhũng khác đang diễn ra nhưng chưa phát hiện gây bức xúc dư luận xã hội. Theo số liệu thống kê của tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang trên địa bàn huyện Cái Bè từ năm 2012 đến năm 2016 chưa đưa ra xét xử vụ án nào liên quan đến tham nhũng. Qua thống kê của THTP trên địa bàn huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy cũng không có vụ nào được đưa ra xét xử. Qua đó có thể khẳng định rằng THTP về tham nhũng của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 ần 100%, thực trạng trên được tạo ra bởi các nguyên nhân:

Thứ nhất: Hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng chưa được chú trọng quan tâm, chưa thường xuyên, liên tục, kịp thời, kém hiệu quả, còn tình trạng bao che, nể nang hay vì lợi ích nhóm nên chưa phát hiện, xử lý.

Thứ hai: Hoạt động tự kiểm tra của chính cơ quan, tổ chức không phát huy hiệu quả vì hầu hết các vụ tham nhũng xảy ra đều có sự liên quan đến người đứng đầu, nếu người đứng đầu gương mẫu, liêm khiết thì tình trạng tham nhũng không xảy ra hoặc xảy ra nhưng ít. Xu hướng hiện nay đa số công chức, viên chức coi tham nhũng như là sự bình thường và thực hiện, số còn lại phản kháng yếu ớt hoặc không dám phản kháng, đấu tranh vì sợ bị trù dập, mất việc làm, ảnh hưởng đến quyền lợi bản thân, gia đình và công việc nên im lặng không dám tố giác.

Thứ ba: Sự giám sát của quần chúng nhân dân chưa hiệu quả, cơ chế thiếu tính minh bạch nên người dân không đủ thông tin để giám sát.

2.3. Dự báo về tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian 5 năm tới

2.3.1. Cơ sở dự báo tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Trong thời gian tới, những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực và trong nước chắc chắn sẽ tác động trực tiếp đến ANCT -

TTATXH trên địa bàn tỉnh Tiền Giang nói chung và địa bàn huyện Cái Bè nói riêng. Để dự báo chính xác THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới cần dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế, quy mô dân số và chiến lược phòng, chống tội phạm của huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về kế hoạch phát triển kinh tế

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết Đảng bộ lần thứ X của HĐND tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2015 - 2020, Tiền Giang phấn đấu đến năm 2020 là tỉnh phát triển bền vững trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và là một trong những tỉnh hoàn thành sớm công cuộc CNH - HĐH.

Theo nội dung của đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 của UBND tỉnh Tiền Giang thì tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Tiền Giang cũng như huyện Cái Bè sẽ có nhiều thay đổi, như sau:

- a) Thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế) năm 2020 đạt khoảng 74 - 78 triệu đồng. Rút ngắn dần khoảng cách so với cả nước về GDP/người.
- b) Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 3.400 triệu USD.
- c) Phấn đấu thu ngân sách năm 2020 đạt trên 9.000 tỷ đồng.

- Về quy mô dân số

Tốc độ phát triển dân số trung bình khoảng 0,8%/năm; giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,1‰ trong giai đoạn 2016 - 2020. Dân số trung bình đến năm 2020 là 1.800 ngàn người.

Những định hướng phát triển kinh tế và quy mô dân số của tỉnh có ảnh hưởng không nhỏ đến THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, bởi vì:

- a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 05 năm thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 9 - 10%/năm (giá so sánh 2010).
- b) Cơ cấu kinh tế năm 2020: Công nghiệp - Xây dựng chiếm 35 - 35,5%; Dịch vụ chiếm 36,1 - 37% và Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 27,5 - 28,9%.
- c) Việc quy hoạch một diện tích lớn đất sản xuất nông, lâm nghiệp vào cụm công nghiệp, đường cao tốc làm cho số lượng lao động ở các vùng nông thôn không có việc làm. Khi người dân nhận được tiền đền bù, giải tỏa thì có tâm lý hưởng thụ, lao vào ăn chơi, đến khi hết tiền thì nảy sinh ý định phạm tội.

d) Sự gia tăng nhanh chóng của lực lượng lao động ngoài tỉnh vào huyện Cái Bè đã tạo nên sức ép về việc làm cũng như trật tự xã hội của huyện trong khi trình độ học vấn, tay nghề không có. Họ chủ yếu sống bằng lao động chân tay, thu nhập không ổn định nên nguy cơ nảy sinh tội phạm là rất lớn.

đ) Hằng năm, trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiếp nhận các đối tượng chấp hành xong án phạt tù, đi cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng về gia đình. Số đối tượng này không có công ăn việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định, chưa được quản lý chặt chẽ. Đây là điều kiện để tiếp tục tái phạm.

e) Cái Bè là cửa ngõ của vùng Đồng Tháp Mười, là địa bàn kết nối các huyện, thị xã, thành phố trong khu vực nên việc giao thương giữa các vùng, miền và việc quản lý văn hóa, quản lý vũ khí, chất nổ, chất độc, quản lý con người, thời gian tới, công tác này cũng sẽ gặp nhiều khó khăn.

g) Từ kết quả công tác điều tra từ năm 2012 - 2016 cho thấy, số vụ án điều tra không đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ tương đối cao gần 18% so với tổng số tội phạm xảy ra trên địa bàn. Số đối tượng này chưa được phát hiện, xử lý khi có điều kiện thuận lợi sẽ tiếp tục phạm tội.

h) Đối tượng phạm tội ngày càng nhiều nhưng lực lượng tham gia phòng, chống tội phạm ngày càng ít. Tính chất nguy hiểm, liều lĩnh, manh động đã gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Trong thời gian tới lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm của Công an huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang còn mỏng, trình độ không đồng đều, việc đầu tư cơ sở vật chất và trang bị phương tiện còn thiếu nên hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm sẽ còn gặp nhiều khó khăn. [37]

Từ những cơ sở trên, sẽ cho chúng ta dự báo chính xác THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới.

2.3.2. Nội dung dự báo tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Dựa vào báo cáo của UBND tỉnh Tiền Giang, UBND huyện Cái Bè về tình hình phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2012 - 2016 và kế hoạch phát triển đến năm 2020; về báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tội phạm năm 2016 và phương hướng năm 2017 của Công an tỉnh Tiền Giang, Công an huyện Cái Bè; Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, các khu quy hoạch các dự án trên địa bàn huyện Cái Bè đến năm 2020, Nghị Quyết về phát triển kinh tế xã

hội tỉnh Tiền Giang nói chung và huyện Cái Bè nói riêng từ năm 2015 - 2020 của HĐND các cấp, tác giả dự đoán trong thời gian tới: *“THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang sẽ có diễn biến phức tạp, theo chiều hướng gia tăng cả về số vụ, số người phạm tội và tính chất, mức độ hoạt động cũng như hậu quả tác hại sẽ nghiêm trọng hơn”*, cụ thể:

- Thông số về lượng của tội phạm: Việc nhiều cụm công nghiệp được quy hoạch, xây dựng đưa vào hoạt động trong thời gian tới, sẽ thu hút một lượng lớn các doanh nghiệp, thương nhân, người lao động đến đầu tư, kinh doanh, sản xuất, tìm kiếm việc làm nên sẽ phát sinh các dịch vụ khác như: nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, karaoke, massage... xuất hiện. Tình hình trật tự xã hội ở khu vực tập trung đông dân cư trên địa bàn huyện Cái Bè sẽ diễn biến phức tạp, nhiều tệ nạn có điều kiện phát triển dẫn đến nguy cơ nảy sinh tội phạm cao. Vì vậy, số lượng vụ tội phạm, số người phạm tội có khả năng tăng nếu không có giải pháp kiềm chế hiệu quả.

- Thông số về chất của tội phạm: Cơ cấu tội phạm sẽ không có sự thay đổi lớn, các nhóm tội xâm phạm sở hữu; nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; nhóm tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng; đặc biệt nhóm tội về ma túy có khả năng tăng và vẫn chiếm tỷ lệ cao trong THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Do điều kiện kinh tế phát triển, đời sống người dân thay đổi, trình độ học vấn được nâng lên, khả năng nhận thức của con người có sự thay đổi phù hợp với quá trình CNH - HĐH nên tính chất phạm tội sẽ nguy hiểm hơn rất nhiều, cụ thể như:

Về chủ thể phạm tội: Người phạm tội có xu hướng ngày càng trẻ hóa, nữ phạm tội cũng có xu hướng ngày càng tăng thực trạng THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cho thấy nữ phạm tội chiếm tỷ lệ cao hơn so với mức trung bình của tỉnh Tiền Giang. Ngoài người phạm tội có tính chuyên nghiệp có tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm tại địa phương thì số người phạm tội gây án từ các tỉnh địa bàn giáp ranh, các tỉnh khác về huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang lẫn trốn, ẩn náu và tiếp tục gây án, các đối tượng nghiện hút, đối tượng phạm tội đang bị truy nã, số đối tượng bị rủ rê, lôi kéo không có việc làm hoặc có việc làm không ổn định, nhân dân lao động, học sinh cũng có thể làm gia tăng THTP. Đặc biệt là số thanh thiếu niên thiếu rèn luyện, lười lao động, thích đua đòi, chạy theo vật chất sẽ cấu kết thành những nhóm tội phạm thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài, ăn chơi

trắc táng, thỏa mãn nhu cầu. Số thanh thiếu niên này phát triển rất nhanh, lại rất khó quản lý và kiểm soát.

Về phương thức, thủ đoạn phạm tội: Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ngày càng đa dạng, phức tạp và tìm mọi cách để đối phó, che giấu hành vi phạm tội vì người phạm tội nhận thức rõ hơn hậu quả pháp lý phải gánh chịu do hành vi phạm tội gây ra. Người phạm tội có sự cấu kết, móc nối hình thành các băng nhóm phạm tội. Do đó THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong thời gian tới vẫn có xu hướng diễn biến phức tạp.

Về địa bàn phạm tội: Từ thực trạng THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cho thấy địa bàn xảy ra tội phạm nhiều nhất là địa bàn xã An Thái Trung, xã An Cư, xã An Hữu chiếm tỷ lệ cao so với các địa bàn xã còn lại, do đây là các địa bàn có điều kiện kinh tế phát triển, giáp ranh với các huyện địa bàn giáp ranh. THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang trong các năm tiếp theo có khả năng xảy ra cao nếu không có giải pháp kiểm chế. Ngoài ra một số địa bàn khác cũng có xu hướng tội phạm xảy ra tăng như: xã An Hữu, xã Hòa Khánh, xã Đông Hòa Hiệp, xã Hậu Mỹ Bắc A, do đây là các địa bàn trọng điểm phát triển kinh tế trong thời gian tới tạo về tinh cho các địa khác phát triển theo tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng lợi dụng cơ hội để phạm tội.

Về hậu quả của tội phạm: Hậu quả thiệt hại cho chính nạn nhân, gia đình và cho xã hội trong các vụ phạm tội sẽ có xu hướng có giá trị lớn. Ngoài những thiệt hại về vật chất, tinh thần, còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ, gây dư luận trong quần chúng nhân dân và làm mất ổn định ANCT - TTATXH trên địa bàn.

Về tài sản: Tài sản mà người thực hiện hành vi phạm tội thường chú ý đến là những loại tài sản có giá trị lớn, gọn nhẹ, dễ vận chuyển, di chuyển, dễ cất giấu, dễ tiêu thụ như: xe mô tô các loại, tiền, vàng, điện thoại di động, máy tính, và các tài sản khác có giá trị...

Kết luận chương 2

Trên cơ sở vận dụng lý luận về THTP đã khảo sát, làm rõ thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ 2012 đến năm 2016. Những dữ liệu thu được có hệ thống về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất là cơ sở, căn cứ cho việc sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật, biện pháp phòng ngừa và hệ thống tổ chức phòng ngừa hiện nay để kiểm soát THTP, ngăn ngừa sự gia tăng về số lượng

cũng như tính chất nguy hiểm cho xã hội, đảm bảo trật tự xã hội phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Chương 3

TÌNH HÌNH TỘI PHẠM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÒNG NGỪA

3.1. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện pháp luật

3.1.1. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện pháp luật hình sự

Pháp luật hình sự mà trọng tâm là Bộ luật hình sự (BLHS) hiện hành đã phát huy được hiệu quả, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, BLHS cũng bộc lộ những hạn chế nhất định, quốc hội khóa XII cũng đã đưa vào chương trình xây dựng luật. Trong phạm vi đề tài, trên cơ sở định hướng chiến lược cải cách tư pháp, những dữ liệu nghiên cứu từ thực tế THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến 2016 đề xuất hướng hoàn thiện theo hướng:

- *Nghiên cứu hoàn thiện quy định của BLHS đối với các tội phạm ít xảy ra trong thực tiễn THTP, quy định tội phạm cụ thể tại các luật chuyên ngành*

Thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến 2016 có 28 tội danh xảy ra trên thực tế trong tổng số 239 tội danh trừ các tội danh thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân đội. Năm 2015 xảy ra nhiều nhất 20 tội danh, năm 2016 xảy ra ít nhất với 14 tội danh, các năm còn lại xảy ra từ 17 đến 18 tội danh. Trên thực tế có những tội danh không xảy ra, xảy ra một vài lần hoặc một lần, tỷ lệ này phản ánh rõ thực trạng của BLHS quy định nhiều hành vi phạm tội nhưng ít xảy ra trong đời sống thực tế. Vì vậy cần phải được nghiên cứu, đánh giá, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo hướng:

Thứ nhất: Rà soát, đối chiếu các điều luật quy định tội phạm cụ thể trong BLHS không xuất hiện hoặc xuất hiện quá ít trong đời sống thực tế, ít áp dụng hoặc không áp dụng để sửa để hoàn thiện BLHS.

Thứ hai: Chỉ tội phạm hóa những hành vi nào phải qua đánh giá mức độ nguy hiểm thực tế của nó chứ không phải qua dư luận, chạy theo dư luận. Phải có công trình nghiên cứu thực tiễn để đánh giá mức độ nguy hiểm, tần suất xuất hiện, có sự so sánh về lợi ích xã hội giữa việc tội phạm hóa và không tội phạm hóa.

Thứ ba: Cần phải có sự đánh giá, rà soát tổng thể để phi tội phạm hóa những hành vi do thay đổi của tình hình không còn nguy hiểm cho xã hội ở mức cần thiết

phải quy định là tội phạm, những tội mà hành vi bị thu hút vào tội khác, những tội mà hành vi không quá nguy hiểm cho xã hội mà tần suất xảy ra ít, hoặc không xảy ra.

- Giảm hình phạt tù, tăng cường áp dụng các hình phạt khác không tước tự do cho phù hợp

BLHS quy định nhiều loại hình phạt phù hợp với từng loại tội phạm và nhân thân người phạm tội để đảm bảo hình phạt không chỉ là biện pháp trừng trị mà còn mang tính giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 đã áp dụng cho người phạm tội một số loại hình phạt nhưng tỷ lệ áp dụng rất thấp như: cảnh cáo có 22 trường hợp, phạt tiền (hình phạt chính) có 35 trường hợp, án treo có 167 trường, có những loại hình phạt không được áp dụng như: trục xuất, cải tạo không giam giữ, đa số áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Thực trạng này không chỉ tồn tại ở huyện Cái Bè mà còn ở nhiều huyện khác. Hệ quả là hàng năm phải đưa vào nhà tù một số lượng phạm nhân quá lớn làm cho công tác giáo dục, cải tạo chưa đạt hiệu quả, kinh phí đảm bảo tốn kém, mất nguồn lực lao động xã hội. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng hình phạt quá nặng hay quá nhẹ không tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội đều không mang lại hiệu quả. Theo quan điểm của tác giả sự áp dụng các loại hình phạt trên là hệ quả của sự quy định không rõ ràng, chặt chẽ, cho phép sự lựa chọn quá rộng trong việc áp dụng các loại hình phạt. Trong BLHS phần các tội phạm cụ thể việc quy định trong một khung hình phạt có ba loại hình phạt chính, hình phạt cao nhất là tù có thời hạn là khá phổ biến. Tuy nhiên không có tiêu chí luật định nào cho việc áp dụng các loại hình phạt đó, các thẩm phán lại dành cho bị cáo hình phạt tù chiếm đa số. Để giải quyết thực trạng đó, dưới góc độ luật hình sự cần hoàn thiện theo hướng:

Thứ nhất: Mở rộng, quy định cụ thể tội phạm nào không được áp dụng hình phạt tù mà phải áp dụng hình phạt khác phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

Thứ hai: Quy định chỉ áp dụng hình phạt tù đối với những người phạm tội có những đặc điểm nhân thân nhất định mà xét thấy với những đặc điểm nhân thân đó để giáo dục, cải tạo cần thiết phải cách ly đời sống xã hội trong một thời gian.

Thứ ba: Thu hẹp lựa chọn hình phạt trong một khung hình phạt nhất định, giảm bớt các loại hình phạt trong một khung hình phạt.

Thứ tư: Chỉ áp dụng hình phạt tù cho người chưa thành niên phạm tội với những quy định chặt chẽ để giảm bớt việc áp dụng hình phạt tù cho nhóm người phạm tội này.

Thứ năm: Thực trạng thi hành hình phạt tù hiện nay bộc lộ những hạn chế đòi hỏi phải nghiên cứu để áp dụng các hình phạt khác phù hợp hơn: ít hạn chế quyền con người hơn, hiệu quả giáo dục cao hơn, ít tốn kém nguồn lực xã hội hơn.

- Tội phạm hóa hành vi làm giàu bất chính

Tham nhũng đang ngày một trầm trọng gây bức xúc trong dư luận nhân dân. Thực tiễn tại địa bàn huyện Cái Bè từ năm 2012 đến năm 2016 không ghi nhận một vụ án nào liên quan đến tham nhũng, đây cũng là tình trạng chung của các huyện khác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Tội phạm về tham nhũng đang đạt tỷ lệ ần gần như tuyệt đối. Để chống tham nhũng hay nói cách khác tội phạm về tham nhũng phải được phát hiện và xử lý đòi hỏi phải thay đổi cơ chế hoạt động của quản lý nhà nước. Nghĩa là các văn bản pháp luật ở các ngành luật khác cần phải được hoàn thiện hơn.

Hơn nữa Việt Nam là thành viên của Công ước Liên Hiệp Quốc về phòng chống tham nhũng, được thông qua tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ngày 31 tháng 10 năm 2003. Việt Nam phê chuẩn công ước này vào ngày 3 tháng 7 năm 2009, trong công ước có nội dung “Hình sự hóa tội phạm tham nhũng”. Do vậy cần phải tội phạm hóa tội làm giàu bất chính để phù hợp vớ pháp luật quốc tế và làm cơ sở pháp lý cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn hiện nay.

3.1.2. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Pháp luật tố tụng hình sự là hệ thống các văn bản quy định về thủ tục tiến hành tố tụng hình sự, đảm bảo cho hoạt động tố tụng hình sự khách quan, chính xác, kịp thời, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo và tôn trọng quyền con người. Với nòng cốt là Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) và các văn bản dưới luật đã tạo ra một cơ chế cho hoạt động tố tụng hình sự, góp phần vào giữ vững an ninh trật tự trong thời gian qua. Tuy nhiên với sự thay đổi nhanh chóng của các điều kiện kinh tế xã hội, sự hội nhập sâu rộng của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực vào sân chơi toàn cầu, sự thúc đẩy và đòi hỏi mở rộng dân chủ, đề cao quyền con người trong giai đoạn hiện nay đã làm cho hệ thống pháp luật tố tụng hình sự bộc lộ những hạn chế. Trong phạm vi đề tài, qua những nghiên cứu về thực tiễn

THTP tại địa bàn huyện Cái Bè, trên cơ sở thực tiễn đó đề xuất hướng hoàn thiện sát với thực tiễn đã nghiên cứu.

- Quy định cụ thể quy trình, trách nhiệm trong giải quyết tin báo, tố giác tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố

Thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 cho thấy số lượng án khởi tố thực tế là 976 vụ nhưng chỉ đưa ra xét xử 801 vụ. Như vậy tỷ lệ vụ án khám phá không thành công chiếm một tỷ lệ tương đối lớn với 175 vụ chiếm 17,92%, có nhiều tội phạm đã xảy ra mà cơ quan điều tra không có thông tin về tội phạm hoặc thông tin chuyển đến không kịp thời. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó nhưng có nguyên nhân từ chính quá trình tiếp nhận và giải quyết tin báo về tội phạm. Đó là không phải tất cả mọi tin báo về tội phạm không đến được cơ quan điều tra một cách đầy đủ, kịp thời; quá trình xác minh ban đầu về tin báo tố giác tội phạm đang bộc lộ nhiều hạn chế; sự kiểm sát đối với tin báo, tố giác về tội phạm của viện kiểm sát đang có nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Tuy nhiên trong những hạn chế đó một phần là do chịu sự tác động của chính trình độ chuyên môn, năng lực, đạo đức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, một phần là do các quy định của pháp luật còn bộc lộ nhiều vướng mắc, hạn trong quá trình thực hiện cần phải khắc phục.

Tại điều 101 BLTTHS: “Công dân có thể tố giác tội phạm với cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án hoặc với cơ quan, tổ chức khác”, “ cơ quan, tổ chức khi phát hiện hoặc nhận được tố giác của công dân phải báo tin ngay về tội phạm cho cơ quan điều tra bằng văn bản.”. Như vậy cơ quan điều tra là đầu mối tiếp nhận tin báo và xử lý tin báo.

Nhưng thực tế hiện nay hầu hết tin báo, tố giác về tội phạm được người dân thực hiện tại Công an cơ sở (xã, phường, thị trấn..). Sau khi nhận tin báo Công an cơ sở xác minh ban đầu rồi mới phân loại và báo lên cơ quan điều tra Công an Quận, Huyện, đó là quy trình bình thường, nhưng đã bộc lộ nhiều hạn chế. Đội ngũ cán bộ Công an địa phương với sự hiểu biết về pháp luật, nghiệp vụ nhất định, có khi chưa được đào tạo qua trường lớp và có tác phong, thái độ thiếu chuyên nghiệp. Trong quá trình xác minh đã bộc lộ hạn chế về xử lý thông tin, non kém nghiệp vụ, cả những thái độ, có những đòi hỏi không chính đáng nên không có sự hỗ trợ tích cực của người dân. Có nhiều trường hợp khi nhận được tin báo về tội phạm không báo ngay cơ quan có thẩm quyền mà giữ lại để xác minh vì những lợi ích nhất định, khi không xử lý được mới báo lên trên, hậu quả làm mất sự tin tưởng của người

dân, tính kịp thời trong xử lý tin báo. Có khi vì thành tích của địa phương nên xếp hồ sơ không báo cho cơ quan điều tra cấp Quận, Huyện, có nhiều trường hợp báo cho cơ quan điều tra cấp Quận, Huyện nhưng qua xác minh không xác định được người tình nghi thực hiện tội phạm vì thành tích nên xếp hồ sơ không tiến hành điều tra theo quy định. Thực trạng đó là nguyên nhân cho việc xử lý tin báo, tố giác không hiệu quả, kịp thời, không có được sự hợp tác của nhân dân thậm chí còn bị nhân dân phản ứng, chống đối.

Để khắc phục hạn chế trên trong quy trình nhận và xử lý tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố phải hoàn thiện theo hướng cơ quan điều tra phải được nhận ngay tin báo tố giác về tội phạm, phải trực tiếp xử lý tin báo tố giác đó. Cần quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong thực hiện nhiệm vụ của mình trong quy trình tiếp nhận, giải quyết tin báo hoặc kiến nghị khởi tố. Quy định chế độ kiểm sát xử lý tin báo của Viện kiểm sát. Cần phải đảm bảo cho cơ quan điều tra đủ biên chế về cán bộ nhưng phải đảm bảo trình độ, năng lực, phẩm chất để trực tiếp xử lý tin báo tố giác về tội phạm.

Tại thông tư liên tịch số 06/2013 của Bộ công An - Bộ quốc phòng – Bộ tài chính – Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn – Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như:

Không quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của cấp trưởng, cấp phó và cán bộ của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Không quy định dẫn giải người bị tố giác, báo tin về tội phạm nếu họ không chấp hành giấy mời, giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Không có quy định rõ giải quyết nguồn tin về vụ việc có dấu hiệu của tội phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện như: chuyên án, điều tra mở rộng án.

Chưa quy định rõ quy chế tạm dừng hoặc phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, mới dừng lại ở việc hết thời hạn giải quyết mà chưa ra được quyết định khởi tố vụ án hình sự hay ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan CSĐT trao đổi với Viện kiểm sát cùng cấp để có làm thêm hay không làm thêm nội dung gì rồi chuyển sang công tác nghiệp vụ của ngành công an.

Chưa có quy định về việc gia hạn hoặc kéo dài thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm khi cần thiết đáp ứng yêu cầu thực tiễn đòi hỏi phải phục hồi việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm.

Nhiều nội dung quy định trong Thông tư liên tịch đã được kế thừa trong nghiên cứu xây dựng dự án BLTTHS năm 2015, đồng thời những hạn chế, khó khăn vướng mắc nêu trên đã cơ bản giải quyết, tháo gỡ (điều 4 và các điều từ 144 đến 151 BLTTHS năm 2015).

- Hạn chế tội áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam

Qua khảo sát THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 có 67,17%% số người bị tình nghi phạm tội bị tạm giữ để điều tra, xác minh; 80,46 % bị can bị tạm giam để điều tra, 12,07% bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, 7,36% bị can được cho bảo lãnh, 0,1% bị can được cho đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Như vậy biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tạm giam đang được áp dụng nhiều nhất. Đặc biệt là biện pháp tạm giam biện pháp hạn chế nhiều quyền của người bị áp dụng.

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn tạo thuận lợi cho cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án, đảm bảo không cho bị can trốn, cản trở điều tra. Là căn cứ để áp dụng cho những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, những vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên tạm giam lại là biện pháp hạn chế nhiều quyền con người của bị can.

Từ những căn cứ thực tế đó pháp luật tố tụng hình sự phải giảm bớt các tội được áp dụng biện pháp tạm giam. Mở rộng các biện pháp ngăn chặn khác đặc biệt là biện pháp “đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm” phù hợp với tình hình hiện nay.

- Quy định cơ chế tố tụng đặc biệt đối với tội phạm về tham nhũng

Tham nhũng từ lâu đã được Đảng, Nhà nước ta xác định là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ. Dưới áp lực của hội nhập quốc tế, áp lực của nhân dân, Đảng và nhà nước đang quyết liệt triển khai phòng chống tham nhũng. Trên thực tế tham nhũng và tội phạm tham nhũng đang diễn biến phức tạp gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhà nước, làm mất lòng tin của nhân dân. Thực tế các ngành thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án đã vào cuộc nhưng hiệu quả chưa cao. Tham nhũng loại tội phạm đặc biệt, với ưu thế của những chủ thể tham nhũng có thể làm sai lệch hoạt động của các cơ quan này. Thực tế đã chứng minh tham nhũng cũng đã xảy ra trong các cơ quan thực hiện phòng,

chống tham nhũng. Do vậy hiệu quả thấp là tất yếu. Cần phải có cơ chế, quy trình tố tụng đặc biệt từ khâu nhận tin báo, tố giác, xác minh tin báo, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm tham nhũng, cơ chế bảo vệ người tố giác, người làm chứng. Quy trình này phải do một cơ quan độc lập mà đối tượng tham nhũng khó có thể tác động được. Đây cũng là hướng giải quyết của nhiều quốc gia khác. Chúng ta không bắt chước nhưng thực tiễn phòng, chống tội phạm tham nhũng tại Việt Nam hiện nay đang đòi hỏi một cơ chế như thế.

3.1.3. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện pháp luật thi hành án hình sự

Qua khảo sát THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ 2012 đến 2016 có đến 11,09% trong tổng số người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Chỉ số này phản ánh khả năng tái hòa nhập cộng đồng đã đạt được hiệu quả nhất định. Tuy nhiên người đã thực hiện tội phạm có xu hướng tiếp tục thực hiện tội phạm. Nguyên nhân, một mặt là do xã hội với những định kiến chưa thực sự tạo điều kiện cho người phạm tội, mặt khác chính người phạm tội không có những kỹ năng cần thiết để hòa nhập. Chúng ta phải tuyên truyền, giáo dục cho mọi người dân dần dần bớt đi những định kiến cũ, quan trọng hơn là chính quá trình thi hành án (chủ yếu là hình phạt tù) phải giáo dục đạo đức, pháp luật, trang bị và thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho họ để khi ra tù họ có khả năng kiếm sống hợp pháp nuôi sống mình.

Với 70,36% bị cáo dưới từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi, 13,94% bị cáo từ đủ 30 tuổi đến 45 tuổi; 60,26% bị cáo không có nghề nghiệp, 28,54% bị cáo có nghề nghiệp không ổn định; 71,67% người phạm tội vì mục đích tài sản; 73,1% người phạm tội có trình độ trung học cơ sở trở xuống. Với những đặc điểm nhân thân đó việc đào tạo nghề và thực hành kỹ năng nghề nghiệp cho người đang chấp hành hình phạt tù trong thời gian thụ án là rất cần thiết. Đa số người phạm tội sau khi chấp hành xong bản án tái hòa nhập với cộng đồng rất cần một công việc ổn định để sinh sống, xóa bỏ tự ti, mặc cảm của bản thân và không tiếp tục phạm tội. Mặt khác làm giảm bớt chi phí cho quá trình tố tụng, thi hành án và việc tái phạm của họ.

Nếu thực hiện được điều này là hết sức cần thiết nhưng không dễ đối với điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại, đặc biệt là những định kiến về người phạm tội ở Việt Nam hiện nay. Để thực hiện được cần thay đổi tư duy về thi hành án phạt tù, pháp luật thi hành án, cơ chế chính sách để huy động nguồn lực xã hội trong điều kiện ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn. Nhưng không phải là sự bất khả thi, chúng

ta mạnh dạn đổi mới tư duy để thí điểm một cách đầy đủ tất yếu để tìm ra được mô hình hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế.

3.2. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa tội phạm là tổng thể các biện pháp nhằm hạn chế hoặc loại trừ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm nhằm làm giảm tội phạm hoặc không để cho tội phạm xảy ra. Trong tổng thể các biện pháp phòng ngừa tội phạm thường được tiến hành theo hai hướng: hướng các biện pháp nhằm phát triển xã hội và hướng các biện pháp ngăn chặn tội phạm.

Hướng các biện pháp nhằm phát triển xã hội là hướng căn bản, lâu dài đó là tổng thể các biện pháp để nhằm phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật và các mặt của đời sống xã hội nhằm hạn chế, loại trừ các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, nguyên nhân điều kiện để hình thành các đặc điểm nhân cách tiêu cực ở con người.

Hướng các biện pháp ngăn chặn không để cho tội phạm xảy ra hoặc đã xảy ra cần phải ngăn chặn ngay để giảm bớt hậu quả. Đây là các biện pháp mang tính chiến thuật, trực tiếp, áp dụng các kỹ thuật phòng ngừa.

Trong phạm vi đề tài, từ thực tiễn THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 để hoàn thiện hệ thống các biện pháp phòng ngừa. Do vậy các biện pháp được đưa ra và hướng hoàn thiện của nó phải lấy căn cứ từ thực tiễn đó và quan trọng hơn phải có ý nghĩa trong việc giải quyết thực tiễn.

3.2.1. Nhóm biện pháp phát triển xã hội

- Phát triển kinh tế - xã hội

Biện pháp phát triển kinh tế - xã hội là một trong những Biện pháp lớn, lâu dài, để phòng ngừa tội phạm, tuy chỉ tác động gián tiếp nhưng là biện pháp cơ bản và có ảnh hưởng rất lớn về mặt xã hội nhằm hạn chế và loại trừ dần những nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm. Trong những năm qua sự phát triển kinh tế đã nâng cao mức sống của người dân, đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên đáng kể. Nhưng sự phát triển đó đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Xã hội ngày càng có nhiều người rất giàu, nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều người nghèo chưa đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu cho cuộc sống, họ không còn cách nào khác buộc phải bước vào con đường phạm tội. Thực tiễn THPT trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016 đã phản ánh đúng thực tế là có 71,76% người phạm tội vì động cơ, mục đích vụ lợi; 60,26% không có nghề

nghiệp, 28,54% có nghề nghiệp không ổn định. Thực tế đó cũng phản ánh chính sách phát triển kinh tế xã hội chưa hài hòa, chưa mang lại hiệu quả, ít nhất là đối với phòng ngừa tội phạm. Để giải quyết tốt mục đích phòng ngừa tội phạm trong biện pháp phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi phải được hoàn thiện theo hướng:

Thứ nhất: Phát triển kinh tế phải gắn chỉ số tăng trưởng với tính bền vững, không gây chia rẽ, phân cực, phân tầng trong xã hội.

Thứ hai: Gắn phát triển kinh tế với tạo việc làm đa dạng, chú ý tới tạo việc làm cho những nhóm yếu thế như người nghèo, không có tay nghề, trình độ học vấn thấp, nông dân bị thu hồi đất... Mọi chính sách phải hướng tới tạo điều kiện cho nhóm đối tượng bị tác động trực tiếp đến quyền lợi. Đặc biệt là những khu vực người dân bị thu hồi đất sản xuất, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thực tế đã xảy ra ở nhiều nơi. Sau khi bị thu hồi đất họ được bồi hoàn một số tiền khá lớn, do không có kỹ năng quản lý số tiền lớn nên tiêu xài phung phí sau một khoảng thời gian tài sản không còn, có khi lâm vào hoàn cảnh nợ nần, sa vào tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút.

Thứ ba: Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo phúc lợi xã hội, các chính sách bảo hiểm phải thực sự hướng tới người dân, công tác xóa đói giảm nghèo phải đi vào chiều sâu có tính bền vững, ưu tiên các nhóm yếu thế trong xã hội, tạo nguồn vốn để phát triển kinh tế gia đình để họ tự vươn lên thoát nghèo.

- Đổi mới, phát triển giáo dục

Giáo dục là biện pháp căn bản cho phòng ngừa tội phạm, hứa hẹn tạo ra những con người không có đặc điểm nhân thân tiêu cực, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn cao, làm việc hiệu quả, có khả năng tạo ra của cải vật chất nhằm đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu, lợi ích của mỗi con người mà không gây hại đến người khác. Giáo dục còn có chức năng hình thành nhân cách cho mỗi con người, tạo cho con người kỹ năng lao động, kỹ năng sống.

Giáo dục không đơn thuần chỉ được thực hiện trong nhà trường, mà còn được thực hiện thông qua môi trường gia đình, môi trường xã hội và các tiểu môi trường khác.

Qua khảo sát có 73,1% người phạm tội tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có trình độ từ cấp 2 là 88,8%, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Nguyên nhân nào những người có trình độ học vấn thấp chiếm tỷ lệ cao trong tổng số người phạm tội?. Vì cuộc sống mưu sinh phải rời ghế nhà trường quá sớm, không có điều kiện học hành, giáo dục nhân cách và bị tác động bởi môi trường xã

hội tiêu cực và hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực. Bản thân muốn tìm kiếm việc làm, có nghề nghiệp để tự nuôi sống bản thân, gia đình. Nhưng vì các yếu tố của bản thân nên họ bất khả kháng. Ta có thể nhận định: giáo dục đang phó mặc cho nhà trường mặc dù môi trường nhà trường vẫn còn đang có nhiều hạn chế. Để biện pháp giáo dục là biện pháp căn bản, có ý nghĩa trong phòng ngừa tội phạm phải hoàn thiện theo hướng:

Giáo dục phải được tiến hành một cách đồng bộ giữa nhà trường, gia đình, xã hội chứ không phải theo cách hiểu giáo dục là thuộc về trách nhiệm của nhà trường. Các cấp học ở lứa tuổi khác cần phải có biện pháp giáo dục khác nhau cho phù hợp. Để hình thành nhân cách của một con người không có những đặc điểm nhân thân tiêu cực trước tiên con người phải được giáo dục nhân cách, đạo đức, các chuẩn mực về văn hóa, kỹ năng sống, sau đó mới là kiến thức. Trong những năm qua tình hình kinh tế, xã hội có những bước phát triển đáng kể và đạt được nhiều thành tựu. Do đó đòi hỏi giáo dục cũng phải có những thay đổi để phù hợp. Môi trường xã hội cũ đã thay đổi vì vậy nhiều chuẩn mực đạo đức của xã hội cũ không còn phù hợp, những chuẩn mực đạo đức mới chưa đủ thời gian để khẳng định. Nền giáo dục hiện nay đang trên đà đổi mới nhưng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế chưa thật sự phù hợp với điều kiện thực tế.

Giáo dục xây dựng cho người học hệ thống chuẩn mực sống nhưng phải phát huy được giá trị, phẩm chất, năng lực riêng có của mỗi cá nhân. Trong hệ thống giáo dục hiện nay từ cấp học phổ thông đến giáo dục chuyên nghiệp đang tồn tại sự rập khuôn khó hiểu. Đào tạo nghề hiện nay đang tạo ra hàng loạt người lao động với những kỹ năng nghề nghiệp giống nhau, trong khi những công việc trong xã hội phát triển đòi hỏi phải có những kỹ năng riêng, tay nghề cao, chuyên sâu hơn thì chưa đạt được. Tình trạng thất nghiệp, không có việc làm vẫn đang diễn ra, đó là một trong những nguyên nhân điều kiện làm phát sinh tội phạm.

3.2.2. Nhóm biện pháp ngăn chặn tội phạm

- Quản lý người phạm tội tiềm tàng

Người phạm tội tiềm tàng là những người có nguy cơ cao trở thành người phạm tội. Trong đó nhóm có nguy cơ cao nhất là nhóm người đã có tiền án, tiền sự. Qua khảo sát có tới 64,44% người phạm tội trước đó đã có tiền án, tiền sự. Từ số liệu đó ta nhận thấy nếu quản lý tốt nhóm người này có thể phòng ngừa, ngăn chặn được số lượng tội phạm đáng kể. Thực tế THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã chứng minh, khi quản lý tốt số đối tượng có tiền án, tiền sự, người

nghiện ma túy, người không có nơi cư trú nhất định, không có việc làm bằng cách: lập hồ sơ quản lý nghiệp vụ, thường xuyên mời gọi hỏi, giáo dục, phối hợp với chính quyền địa phương vận động gia đình đưa người nghiện vào trung tâm, cơ sở cai nghiện tự nguyện hoặc cai nghiện bắt buộc được thực hiện thường xuyên, liên tục. Trong những năm qua nên THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có xu hướng giảm từ 163 vụ, 243 bị cáo năm 2012 xuống còn 151 vụ, 132 bị cáo năm 2016.

Căn cứ vào các văn pháp luật quy định nhóm đối tượng trên giao cho lực lượng chuyên trách về phòng ngừa tội phạm của Công an, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội như: đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh... quản lý. Nhưng trên thực tế chỉ có lực lượng phòng ngừa tội phạm của Công an nhân dân thực hiện công tác quản lý các nhóm đối tượng trên, các cơ quan khác trên danh nghĩa có thực hiện nhưng chưa hết chức năng, nhiệm vụ, đa số chỉ trên mặt giấy tờ. Ngoài việc quản lý về các biện pháp hành chính lực lượng Công an còn quản lý về mặt nghiệp vụ theo quy định của ngành Công an.

Về phía gia đình và người thân họ cần quan tâm, nhắc nhở, động viên, quản lý nhóm đối tượng tiềm tàng trên, nhất là những người đã có tiền án, tiền sự, những người nghiện hút ma túy, phải làm cho họ thấy được hậu quả pháp lý phải gánh chịu nếu vi phạm pháp luật. Phải tìm cách xóa bỏ những định kiến, mặc cảm làm cho họ thấy được bản thân họ sống có ích cho gia đình, xã hội. Ngược lại, nếu không xóa bỏ được định kiến, cấm đoán, đánh đập, chửi bới thì sẽ làm cho họ có cảm giác như bị bỏ rơi, không còn có ích cho gia đình, xã hội. Từ đó đẩy họ ngày càng ra xa tầm tay không thể quản lý được và rồi lại rơi vào con đường phạm tội. Cho nên chúng ta cần phải hoàn thiện cách quản lý, đổi mới cách quản lý. Đó là hướng họ vào những sân chơi mà họ hứng thú, các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí, tham gia vào các câu lạc bộ. Thực tế có nhiều địa phương đã áp dụng và mang lại những kết quả nhất định, nhưng được chưa nhân rộng và chưa được đầu tư, sự quan tâm của các cấp chính quyền.

- Kiểm soát địa bàn, quản lý

Cùng với các biện pháp quản lý người phạm tội tiềm tàng, biện pháp quản lý địa bàn là một biện pháp có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn chặn tội phạm. Thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tội phạm chủ yếu xảy ra nhiều nhất ở các nhóm tội như: nhóm tội xâm phạm sở hữu; xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự

của con người. Nếu thực hiện việc kiểm soát địa bàn tốt có thể ngăn chặn được số lượng tội phạm đáng kể, hoạt động kiểm soát được tiến hành:

Thứ nhất: Tăng cường công tác quản lý hành chính về an ninh trật tự (ANTT) nhất là công tác kiểm tra việc lưu trú, đăng ký tạm trú, tạm vắng, kiểm tra nhân khẩu, hộ khẩu chủ yếu tập trung vào các khu cho thuê trọ các địa bàn phức tạp về ANTT thông qua các hoạt động nghiệp vụ của lực lượng công an và giám sát của người dân. Hiện nay công tác này hết sức cần thiết đóng góp cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm mang lại hiệu quả.

Thứ hai: Tăng cường công tác quản lý các cơ sở ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn, chủ yếu là các dịch vụ cầm cố tài sản. Đây là nơi tội phạm có thể lợi dụng để hoạt động phạm tội, chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chủ yếu là các cơ sở hoạt động không có giấy phép, hoạt động không đúng mục đích đăng ký kinh doanh. Do đó quản lý tốt các cơ sở kinh doanh này có thể phát hiện, ngăn chặn tội phạm xảy ra.

Thứ ba: Thường xuyên tuần tra kiểm soát tại các tuyến đường xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, hay xảy ra các vụ trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, các vụ gây rối đánh nhau có mang theo hung khí làm mất ANTT, lực lượng Công an nên làm nòng cốt có thể huy động sự tham lực lượng dân phòng, lực lượng dân quân tự vệ của địa phương.

Thứ tư: Phân công cán bộ phụ trách địa bàn để phối hợp với Công an cơ sở giám sát, trực tiếp quản lý đối tượng tình nghi thực hiện tội phạm, giải quyết nhanh các vấn đề phức tạp, các vụ phạm tội mới xảy ra để truy tìm theo dấu vết nóng của tội phạm. Thành lập các tổ chốt chặn tội phạm, khi có vụ việc phạm tội xảy ra kịp thời ngăn chặn bắt giữ đối tượng tình nghi nhất là các vụ trộm cắp xe mô tô, các vụ cướp giật tài sản trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ.

Thứ năm: Xác định các địa bàn phức tạp về ANTT nhất là các khu vực thường xảy ra tội phạm để lắp hệ thống camera quan sát hoặc vận động người dân có điều kiện kinh tế tự lắp đặt hệ thống camera quan sát để tự quản lý tài sản của mình. Biện pháp này thời gian qua mang những kết quả nhất định, giúp cho các cơ quan chức năng phát hiện, điều tra, bắt xử lý nhiều đối tượng tình nghi thực hiện tội phạm.

Cần vận dụng những biện pháp nêu trên một cách linh hoạt, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa bàn cụ thể mà áp dụng cho phù hợp để mang lại hiệu cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên cần sự quan tâm của

các cấp chính quyền địa phương chung tay thực hiện. Những biện pháp này nếu chỉ có lực lượng chuyên trách thực hiện thì không đủ nhân lực và vật lực, phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

- Phòng ngừa để không trở thành nạn nhân

Tất cả chúng ta ai cũng có thể trở thành nạn nhân tiềm tàng của tội phạm, phòng ngừa để không trở thành nạn nhân tức là làm cho những người là nạn nhân tiềm tàng không trở thành nạn nhân. Nếu thực tốt việc phòng ngừa cũng ngăn chặn được số lượng tội phạm đáng kể. Thực tiễn phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo hướng này đã được thực hiện trong thời gian qua, chủ yếu nghiên cứu về phương thức, thủ đoạn của tội phạm thực hiện các phóng sự, viết bài tuyên truyền vận động người dân tự bảo vệ và quản lý tài sản của mình gửi các kênh truyền hình về chuyên mục vì ANTT, đài phát thanh truyền hình huyện Cái Bè, đài truyền thanh các xã. Ngoài ra còn lồng ghép nội dung trong các cuộc họp dân phát động phong trào quần chúng bảo vệ ANTT tại các xóm, ấp trên địa bàn. Mục đích làm cho người dân tự nhận thức và tự bảo mình để không trở thành nạn nhân của tội phạm.

Ngoài biện pháp trên, địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang còn áp dụng mô hình “Cổng rào về ANTT” trên toàn địa bàn huyện từ năm 2010 đến nay. Do điều kiện tự nhiên, địa hình sông ngòi chằng chịt, các con đường nông thôn chạy dài cặp sông nên thuận lợi cho việc áp dụng mô hình trên, các cổng rào được lắp đặt chủ yếu ở khu vực đầu hoặc cuối đường giao cho hộ dân gần cổng rào quản lý, khi có sự việc phạm tội xảy ra thông báo cho những hộ dân quản lý cổng rào biết đóng cổng lại và báo ngay cho cơ quan Công an biết cùng hỗ trợ bắt giữ đối tượng gây án. Với mô hình trên đã đem lại nhiều hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn nhất là các vụ trộm cắp tài sản, các vụ cướp giật tài sản.

Thực tế THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang chiếm tỷ trọng cao là nhóm tội xâm phạm sở hữu, vì vậy phòng ngừa theo hướng để không trở thành nạn nhân cũng phải gắn với thực tiễn. Làm cho người dân nhận thức được hậu quả, tác hại của tội phạm và tự nguyện cẩn thận trong bảo vệ tài sản của mình, không tích trữ nhiều tài sản quý tại nhà, khóa cửa cẩn thận, không đeo nhiều trang sức khi ra đường đặc biệt là những thời gian vắng người qua lại, gửi xe vào bãi giữ xe...

- Phòng ngừa tái phạm

Thực tế hiện nay, những người đã có tiền án, người mới chấp hành xong án phạt tù rất dễ tiếp tục thực hiện tội phạm, qua khảo sát tại địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có 11,09% tái phạm, tái phạm nguy hiểm chủ yếu là nhóm tội xâm phạm sở hữu, bởi các lý do sau: Không có việc làm vì bản thân không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, người thân xa lánh, không tin tưởng, có định kiến, sự lôi kéo của nhóm bạn xấu, hiệu quả giáo dục trong quá trình thi hành án hạn chế, cần tiền để sống. Để phòng ngừa tái phạm hiệu quả cần:

Thứ nhất: Tuyên truyền, vận động cho người dân để thay đổi định kiến về người phạm tội để họ nhận thức và cách nhìn đúng đắn về người phạm tội, họ không hoàn toàn xấu mà còn có những mặt tốt chưa được phát huy, chỉ phạm tội trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định, ai cũng có thể trở thành người phạm tội nếu không kiềm chế được bản thân. Nếu chúng ta tiếp tục xa lánh thì họ lại tiếp tục phạm tội và gây hại cho chính chúng ta. Vì thế phải tạo điều kiện cho họ thay đổi bằng chính lao động của họ.

Thứ hai: Thay đổi phương thức thi hành án phạt tù hiện nay, phải đào tạo nghề và thực hành kỹ năng nghề trong khi thi hành án và phải đảm bảo rằng tay nghề mà họ được đào tạo phải thiết thực có thể sau khi chấp hành án xong tái hòa nhập với cộng đồng tự nuôi sống được bản thân và gia đình. Thay đổi như thế vừa có hiệu quả giáo dục vừa tạo ra năng lực hòa nhập cộng đồng tốt hơn khi ra tù.

Thứ ba: Các cấp chính quyền phải có cơ chế, chính sách ưu đãi tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhận những người chấp hành xong án phạt tù vào làm việc, để họ có việc làm ổn định, có thu nhập để nuôi sống bản thân và gia đình để không tiếp tục đi vào con đường phạm tội.

- Biện pháp phát hiện, xử lý tội phạm

Phát hiện chính xác, nhanh chóng, kịp thời và xử lý công minh mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, đảm bảo cho công lý được thực thi, răn đe được người khác là một trong những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu. Mặt khác khi tội phạm xảy ra cần nhanh chóng xác minh, điều tra làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật. Qua quá trình điều tra xử lý phát hiện ra những nguyên nhân, hạn chế, thiếu sót để khắc phục làm cơ sở cho công tác phòng ngừa, ngăn chặn không để tội phạm tiếp tục xảy ra.

Từ thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang có thể khẳng định công tác phát hiện, điều tra xử lý tội phạm chưa đạt được hiệu quả cao, số lượng vụ án tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra còn chiếm tỷ lệ khá cao trong

tổng số THTP chiếm 17,92%, chưa kể đến số tội phạm chưa bị phát hiện hoặc đã phát hiện nhưng vì thành tích không thống kê. Từ thực trạng đó cho thấy việc thực thi công lý chưa đảm bảo, dữ liệu làm cơ sở cho việc phòng ngừa tội phạm chưa sát với thực tế, chưa đem lại hiệu quả cao.

Để đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải tăng cường lực lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đặc biệt là nguồn lực về con người phải được đào tạo đảm bảo về pháp luật, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm, yêu mến nghề có như vậy mới đem lại hiệu quả cao và đảm bảo thực thi quyền con người theo quy định của pháp luật.

- Giải pháp phòng ngừa tội phạm về tham nhũng

Tham nhũng được đánh giá là đang diễn biến ngày càng phức tạp, nhưng trong thời gian qua chưa bị phát hiện hoặc đã bị phát hiện nhưng chưa được điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, chưa đảm bảo cho việc thực thi công lý, chưa răn đe được mọi người. Vì vậy theo tác giả phòng ngừa tội phạm tham nhũng cần hoàn thiện theo hướng:

Thứ nhất: Tiếp tục tuyên truyền, vận động cho mọi tầng lớp nhân dân thấy được tác hại của tham nhũng và các tội phạm về tham nhũng để tạo ra áp lực, dư luận mạnh mẽ trong xã hội buộc những người có trọng trách phải hành động.

Thứ hai: Minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước, các thủ tục hành chính phải được niêm yết công khai, tạo ra cơ chế để người dân giám sát, những phản ánh của nhân dân phải được nghiêm túc xem xét và trách nhiệm trả lời cụ thể.

Thứ ba: Xây dựng cơ chế kê khai tài sản phải cụ thể, rõ ràng, chú trọng đến đối tượng cần phải kê khai, quy định trách nhiệm người trực tiếp kê khai, người đứng đầu. Nhưng phải có cơ quan giám sát, khi phát hiện những bất minh buộc phải giải trình, thanh tra, kiểm tra và quy định cơ sở để tịch thu nếu chứng minh được.

Thứ tư: Quy định cơ chế đặc thù trong việc điều tra xử lý tội phạm tham nhũng vì chủ thể của tội này đa số là những người có chức vụ, quyền hạn, có khi chức vụ, quyền hạn rất cao, am hiểu về pháp luật, nghiệp vụ nên khó phát hiện, điều tra xử lý. Nếu áp dụng theo thủ tục tố tụng thông thường không mang lại hiệu quả hoặc hiệu không cao như quy định của pháp luật hiện nay.

3.3. Thực tiễn tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và việc hoàn thiện tổ chức phòng ngừa

Phòng ngừa tội phạm là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội. Theo chức năng, nhiệm vụ của mình các cơ quan tiến hành phòng ngừa theo nhiều cách khác nhau, trong đó các cơ quan chuyên trách thực hiện là chủ yếu. Để nâng cao hiệu quả việc tổ chức phòng ngừa tội phạm trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cần thực hiện tốt các mặt công tác sau:

Đối với cơ quan Công an: với chức năng nhiệm vụ của mình lực lượng Công an nhân dân có nhiều biện pháp để đảm bảo ANTT và TTATXH trên từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là khối cơ quan Cảnh sát điều tra cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết tin báo tố giác về tội phạm để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý tội phạm.

Cần bố trí lực lượng chuyên trách làm công tác phòng, chống tội phạm rộng khắp các địa bàn. Chú trọng tập trung vào các địa bàn phức tạp về ANTT, các địa bàn thường xảy ra tội phạm.

Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát thường xuyên, đột xuất giờ cao điểm, những nơi vắng vẻ không có ánh đèn đường, những điểm nóng phức tạp về ANTT để ngăn chặn, hạn chế tội phạm xảy ra và phát hiện bắt xử lý kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý hành chính về ANTT, quản lý người tạm vắng, tạm trú không có nghề nghiệp biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội, các cơ sở kinh doanh có điều kiện chú ý các cơ sở cầm cố tài sản, các tiệm sửa xe, các tiệm thu mua phế liệu, cơ sở karaoke, masage...

Thường xuyên phối hợp với Công an địa bàn giáp ranh để trao đổi thông tin, tình hình hoạt động của tội phạm nhất là các đối tượng hoạt động lưu động.

Tăng cường công tác phát động quần chúng nhân dân tham gia tố giác tội phạm, tạo kênh tố giác tội phạm như đường dây nóng, hòm thư tố giác, số điện thoại của lực lượng công an cơ sở.

Điều tra các vụ án đã xảy ra nhanh chóng, kịp thời đề nghị truy tố, xét xử nghiêm minh nhằm răn đe người khác, có thể đưa ra xét xử án điểm, xét xử lưu động ở khu vực đông dân cư.

Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng để đề ra kế hoạch phòng, chống tội phạm ở những địa bàn trọng điểm, mở nhiều cao điểm tấn công trấn áp tội phạm tập trung vào các băng, nhóm tội phạm nhằm ổn định ANTT trên địa bàn.

Đối với Viện kiểm sát nhân dân: Viện kiểm sát với chức năng giám sát hoạt động tư pháp, phải kịp thời phát hiện những sơ hở của pháp luật hoặc trong việc thực thi pháp luật của các ngành các cấp, những sơ hở trong quản lý Nhà nước, sơ hở của nhân dân trong quản lý tài sản, qua đó chủ động làm tham mưu cho Đảng và chính quyền bịt kín mọi sơ hở làm phát sinh tội phạm.

Nêu cao vai trò giám sát trong quá trình bắt, tạm giữ, tạm giam, xử lý tội phạm, nhằm hạn chế mức thấp nhất vấn đề oan sai. Chủ động phối hợp các ngành trong việc nghiên cứu tìm ra những sơ hở trong các quy định của pháp luật để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới pháp luật, trước hết là Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Tòa án nhân dân và Luật tạm giữ, tạm giam...

Đối với Tòa án nhân dân: Tòa án nhân dân với chức năng xét xử, thông qua hoạt động xét xử các vụ án, Tòa án nhân dân các cấp kịp thời phát hiện sớm những sơ hở mất cảnh giác của quần chúng nhân dân và sơ hở trong công tác quản lý nhà nước, cũng như phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm. Từ đó phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền ý thức cảnh giác, nâng cao hiểu biết pháp luật trong nhân dân. Tăng cường hoạt động xét xử lưu động các vụ án hình sự ở các địa bàn dân cư thường xuyên xảy ra tội phạm nhằm giáo dục, răn đe những người có ý định phạm tội đi đến từ bỏ việc phạm tội.

Đối với cơ quan thi hành án hình sự: Thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác thi hành án hình sự, đảm bảo đủ về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác thi hành án hiện nay.

Thông qua hoạt động giam, giữ cải tạo phạm nhân cần triệt để khai thác thông tin về đặc điểm nhân thân, lai lịch của từng phạm nhân để áp dụng các biện pháp, tuyên truyền, quản lý, giáo dục cho phù hợp, hiệu quả.

Tăng cường công tác giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức và công tác dạy nghề cho các đối tượng phạm tội sau khi chấp hành xong bản án trở về nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng không để họ tái phạm tội.

Đối với các cơ quan, tổ chức khác: Cần nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc xóa bỏ thái độ kì thị, định kiến với người chấp hành xong án phạt tù, người có tiền án. Cần gắn trách nhiệm của địa phương, gia đình, xã hội trong việc giáo dục, động viên giúp đỡ

họ xóa bỏ mặc cảm, tích cực giúp đỡ để họ lao động, học tập và tham gia các hoạt động xã hội, sớm ổn định cuộc sống.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở của thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016, tác giả đã phân tích và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án; các giải pháp để hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa THTP; đưa ra các định hướng hoàn thiện hệ thống tổ chức phòng ngừa.

KẾT LUẬN

Trong xu thế chung, THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đang có xu hướng tăng, giảm không theo quy luật, nhưng tính chất của tội phạm ngày càng nguy hiểm. Để đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn tạo điều kiện thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa tội phạm đang là vấn đề cấp bách và cần thiết.

Luận văn là một hệ thống lý luận về THTP trên cơ sở kế thừa các công trình khoa học của nhiều tác giả và có sự phát triển thêm của cá nhân người nghiên cứu. Hệ thống đó một mặt làm rõ, bổ sung thêm cho lý luận về THTP. Mặt khác là cơ sở, là phương hướng để áp dụng vào nghiên cứu, khảo sát thực tiễn THTP của một địa bàn nhất định.

Trên cơ sở hệ thống lý luận đó, áp dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, tác giả đã nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của thực tiễn của THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang từ năm 2012 đến năm 2016. Cơ sở thực tiễn để nghiên cứu là số liệu thống kê tội phạm của các ngành, từ các bản án, từ công tác thực tiễn của bản thân, các quá trình xã hội diễn ra trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Với những dữ liệu thực tế thu được từ thực tiễn THTP đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án, hệ thống các biện pháp phòng ngừa và hệ thống các chủ thể phòng ngừa để đáp ứng yêu cầu của phòng ngừa tội phạm trên thực tế. Hy vọng các đề xuất của tác giả có thể áp dụng vào thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nhằm ổn định tình hình thực tế nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trong luận văn, tác giả có thể chưa giải quyết hết được những vấn đề liên quan đến lý luận THTP, thực tiễn THTP trên địa bàn huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, cũng như sự chủ quan trong các kiến nghị, đề xuất nên còn những hạn chế nhất định. Rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các bạn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội;
2. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 22/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời kỳ mới*, Hà Nội;
3. Bộ chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TU ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp*, Hà Nội;
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống TP trong tình hình mới*, Hà Nội;
5. Bộ Công an (1999), *kế hoạch số 358/KH-BCA ngày 12/4/1999 thực hiện Nghị quyết số 09/CP và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính Phủ*, Hà Nội;
6. Nguyễn Văn Cảnh, Nguyễn Văn Tỉnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện cảnh sát nhân dân;
7. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội;
8. Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 về Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*, Hà Nội;
9. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*, Hà Nội;
10. Công an huyện Cái Bè (2016), *Báo cáo tổng kết năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*, Cái Bè;
11. Học viện Cảnh sát nhân dân (2002), *Giáo trình Tội phạm học*, Hà Nội;
12. Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*;
13. Nguyễn Thị Dịu Hiền (2014), *Các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học Xã hội;
14. Cao Minh (2016), *Tình hình tội phạm trên địa bàn Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học Xã hội;
15. Dương Tuyết Miên (2010), *Bàn về tội phạm rõ, tội phạm ẩn trong tội phạm học*, tập chí luật học (số 03), tr. 27-32;

16. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đại cương*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội;
17. Quốc hội (2003), *Bộ luật tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
18. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
19. Quốc hội (2011), *Luật thi hành án hình sự nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
20. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
21. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
22. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
23. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh;
24. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân;
25. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Một số vấn đề lý luận tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
26. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (số 12), tr. 11-19;
27. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật (số 6), tr. 1-9;
28. Trịnh Việt Tiến (2008), *Khái niệm về phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội (số 24), tr.185-199;
29. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (2012 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*;
30. Tòa án nhân dân huyện Cái Bè (2012 - 2016), *Bản án hình sự sơ thẩm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*;
31. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (2012 – 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*;

32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
35. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam Phần các tội phạm*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.
36. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nội vụ, tr.18-22;
37. Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè (2016), *Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội Tiền Giang năm 2012 - 2016 và kế hoạch phát triển đến năm 2020. Định hướng đến năm 2030*;
38. Ủy ban thường vụ quốc hội (2004), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;
39. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè (2012 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*;
40. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
41. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận - thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân;
42. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân;
43. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân;
44. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân;
45. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa;
46. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Giáo dục.
47. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
48. Nguyễn Xuân Yêm (2005), *Phòng chống tội phạm ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;